

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1145 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2020

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số: 29793.....

Ngày: 31.7.2020

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:.....



QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; giao bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2020 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2018 cho tỉnh Sơn La

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội số: 84/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 về kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV; 71/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ các Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội: số 791/NQ-UBTVQH14 ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2018 và phân bổ, sử dụng nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2018; số 797/NQ-UBTVQH14 ngày 24 tháng 10 năm 2019 về phương án phân bổ 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: số 50/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2019 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ trực tuyến với các địa phương tháng 6; số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid -19;

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1625/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2019 về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2018;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số

4082/TTr-BKHĐT ngày 23 tháng 6 năm 2020 và văn bản số 4781/BKHĐT-TH ngày 24 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 – 2020:

1. Điều chỉnh giảm 1.713.503 triệu đồng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 của các dự án đã được giao kế hoạch đầu tư trung hạn; điều chỉnh tăng 1.891.134 triệu đồng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương cho các dự án trong nội bộ của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại Phụ lục kèm theo.

2. Điều chỉnh tăng 597.550 triệu đồng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương từ nguồn dự phòng 10% vốn ngân sách trung ương tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cho các dự án của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại Phụ lục kèm theo.

3. Giao bổ sung 6.089.052,695 triệu đồng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương từ các nguồn vốn: nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, nguồn bổ sung theo Nghị quyết số 797/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và nguồn bố trí vốn cho dự án đường ven biển tại Phụ lục kèm theo.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, danh mục và mức vốn điều chỉnh, bổ sung của từng dự án, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Giao bổ sung 127.753 triệu đồng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2020 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2018 cho tỉnh Sơn La để thực hiện các dự án.

Điều 3. Căn cứ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương, danh mục và mức vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 được giao, điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

1. Thông báo cho các đơn vị danh mục và mức vốn từng dự án theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này gửi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 8 năm 2020.

2. Chịu trách nhiệm bố trí, giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2020 cho các dự án bảo đảm đủ thủ tục đầu tư theo quy định; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án này để hoàn thành đúng tiến độ trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Chịu trách nhiệm về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đầu tư công.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương được giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương tại Điều 1, 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương được giao, điều chỉnh kế hoạch tại Điều 1,2;
- Đoàn ĐBQH của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao, điều chỉnh kế hoạch tại Điều 1,2;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các bộ: KHĐT, TC;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT các Vụ: TH, TKBT, CN, NN, NC, KGVX, QHĐP;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). 180

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016 -2020 TRONG NỘI BỘ CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số : 1145 /QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 vốn NSTW đã được Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh tại Quyết định này		Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước	
TỔNG SỐ					1.475.452	957.830	957.830		
1	Các DA Khu KTQP Quảng Sơn/QK5	Đắk Nông	13-14	3540; 2471; 3491; 1614; 1811; 2056	34.163	2.442	1.027		
-	Đường Km3+047-thôn KTM Đăksnao (GD2), khu KTQP Quảng Sơn/QK5	Đắk Nông	13-14	1614,29/10/12	11.971	252	2		
-	Đường liên xã Quảng Sơn-Đắk Măng	Đắk Nông	14-15	1811,28/10/13	7.194	690	305		
-	Đường Đắk Snao đi Trường Lý Tự Trọng và đường Đắk Snao đi Tiểu khu 1648, 1649	Đắk Nông	15	2056; 17/10/14	14.998	1.500	720		
2	Các DA Khu KTQP Cư Mga/QK5	Đắk Lắk	15	2599; 3541; 2071	14.780	6.780	5.915		
-	Nhà làm việc cơ quan, đường Đắk Hà Tây - Đắk Hà Đông, khu KTQP Cư Mga/QK5	Đắk Lắk	15	2071; 21/10/14	14.780	6.780	5.915		
3	Các DA Khu KTQP Nam Đắk Lắk-Bình Phước/BD16	Bình Phước	13-14	1143; 1158; 1146; 1145; 1133; 1144; 1140; 1134	16.451	1.523	253		
-	Sửa chữa nhà Đội SX e717	Bình Phước	13-14	1146; 26/10/13	6.525	123	33		
-	Hồ chứa nước, điện Đội 1, 4e719	Bình Phước	13-14	1145; 26/10/13	4.868	850	50		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 vốn NSTW đã được Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh tại Quyết định này		Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước	
-	Cải tạo S.chữa bệnh xá, nhà cơ quan và hệ thống cấp thoát nước e 720, 726	Bình Phước	14-	1140; 26/10/13	5.058	550	170		
4	Nâng cấp đường ngã 3 Đắc Ru đi đội 6/e720 Khu KTQP BĐ16	Bình Phước	15-17	4498; 30/10/14	34.523	18.536	17.001		
5	Mở rộng nâng cấp kho K91/QK3	Bắc Giang	10-11	5315,25/11/09	11.389	1.059	9		
6	Nâng cao năng lực SC VKKT phòng không gđ1/A29/QCPKKQ	Đồng Nai	14-17	3951,16/10/13	55.569	16.569	10.509		
7	Đầu tư nâng cao năng lực công nghệ ngành Tiêu chuẩn-Đo lường Chất lượng/QC PK-KQ	Hà Nội	17-20	4198, 07/10/16	100.000	90.000	88.752		
8	Nhà ở ebộ e282 và fbộ f375/QCPKKQ	Đà Nẵng	15-18	3854, 13/9/17	76.089	48.180	48.133		
9	Xây dựng doanh trại f bộ/ f371 /QCPKKQ	Hà Nội	18-20	4757, 30/10/17	130.000	117.000	100.000		
10	Nâng cấp kho K205/TCHC (Khu B)	Hà Nội	14-16	4493, 30/10/14	57.927	39.819	36.614		
11	Xây dựng khoa A11/Viện YHCTQĐ	Hà Nội	10-13	4046,30/10/09	55.970	1.400	1.075		
12	Xây dựng Trường ĐH Chính trị gđ2	Hà Nội	16-19	5213,03/11/14	180.000	162.000	150.117		
13	Công nghệ s/c các trang bị bảo đảm bay cho Su27, Su30 và HT thông tin quản lý vùng trời,.../NM A40	Hà Nội	14-17	3946,16/10/13	50.569	12.269	12.264		
14	Đường đôn 517 (TKS) Nậm Giải-Mốc I4		10-20	4134, 26/10/10	158.022	80.253	80.250		
15	Kè chống xói lở đảo Côn Nổi, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình/BTLBP (giai đoạn 1)	Ninh Bình	18-20	4188; 03/10/18	250.000	220.000	250.000		
16	Dự án đầu tư chiều sâu hiện đại hóa công nghệ nâng cao năng lực sản xuất/Z113	Tuyên Quang	16-20	5140 30/11/15	250.000	140.000	155.911		



Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRONG NỘI BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kính theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					37.274.684	32.831.079	21.294.125	21.592.762	
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					37.274.684	32.831.079	21.294.125	21.592.762	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					36.923.887	32.531.082	21.294.125	21.310.409	
	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững					40.312	19.602	14.420	12.550	
	Chuẩn bị đầu tư					170	170	2.220	1.650	
(1)	Phát triển giống phục vụ trồng rừng tại các tỉnh vùng Tây Bắc giai đoạn 2016 - 2020	Sơn La			2340/QĐ-BNN-KH, 14/6/2016	170	170	170	150	
(2)	Bảo vệ và phát triển rừng Vườn quốc gia Cúc Phương giai đoạn 2016-2020	Vườn QGCP			1997/QĐ-BNN-KH, 26/5/2016			350	250	
(3)	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng Vườn quốc gia Cát Tiên giai đoạn 2016-2020	Vườn QG Cát tiên			1999/QĐ-BNN-KH, 26/5/2016			350	260	
(4)	Bảo vệ và phát triển rừng nghiên cứu thực nghiệm Trung tâm nghiên cứu Lâm sản ngoài gỗ, giai đoạn 2016-2020	Quảng Ninh, Lào Cai			2000/QĐ-BNN-KH, 26/5/2016			250	100	
(5)	Dự án án Bảo vệ và phát triển rừng Trung tâm Lâm nghiệp Nhiệt đới giai đoạn 2016 -2020	Gia Lai			1995/QĐ-BNN-KH, 26/5/2016			200	150	
(6)	Phát triển và nâng cao chất lượng giống một số loài Tre và cây gỗ lớn mọc nhanh tại các tỉnh vùng Đông Bắc giai đoạn 2016 -2020	Phủ thọ và các tỉnh			2343/QĐ-BNN-KH, 14/6/2016			500	440	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(7)	Dự án đầu tư phương tiện, trang thiết bị, nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng Chi cục Kiểm lâm vùng IV	Đắk Lắk			1996/QĐ-BNN-KH, 26/5/2016			400	300	
	Khởi công mới					35.000	15.000	9.800	8.600	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Phát triển giống một số loài cây lâm sản ngoài gỗ phục vụ tái cơ cấu ngành lâm nghiệp giai đoạn 2016-2020	Hà Nội	SX giống	2016-2020	4423 28/10/2016	35.000	15.000	9.800	8.600	
	Chuyển tiếp					5.142	4.432	2.400	2.300	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng Trường Cao đẳng nghề, công nghệ và Nông lâm Nam Bộ giai đoạn 2011-2020	Bình Dương	Bảo vệ rừng	2011-2020	3086, 14/12/2011	5.142	4.432	2.400	2.300	
	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					2.182.419	1.603.803	243.143	228.098	
	Chuẩn bị đầu tư					1.733.428	1.309.063	10.143	261	
(1)	Sản xuất giống lúa thuần vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên giai đoạn 2016-2020	Bình Định		2019-2021	4283, 21/10/2016	60.028	15.000	300	261	
(2)	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng chuyển đổi tái cơ cấu cây trồng tỉnh Điện Biên	Điện Biên				84.317	72.315	1.000		
(3)	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng vùng sản xuất cà phê và nông sản khác trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sơn La	T' 1000 ha cà phê	2017-2020		90.000	80.000	1.200		
(4)	Đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ tái cơ cấu cây trồng vùng Đông Nam, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Bến Tre		2017-2021		143.375	129.986	1.200		
(5)	Dự án hỗ trợ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu phục vụ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ các sản phẩm nông sản chủ lực, an toàn, chất lượng cao phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Kiên Giang, Quảng Trị		2017-2018		130.000	65.000	593		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(6)	Đầu tư hạ tầng thiết yếu cho vùng nông nghiệp chuyên canh, công nghệ cao tỉnh Hà Nam	Hà Nam		2017-2020		121.000	80.000	150		
(7)	Hạ tầng nông nghiệp vùng sản xuất tập trung huyện Văn Giang	Hưng Yên		2017-2020		91.000	73.000	150		
(8)	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế		2017-2020		80.000	70.000	1.000		
(9)	Hạ tầng vùng chuyên canh cây vải chất lượng cao huyện Lục Ngạn	B. Giang		2017-2021		100.000	80.000	150		
(10)	Cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng phát triển vùng trồng cây thanh long tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận		2017-2019		69.512	65.000	800		
(11)	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng phát triển thâm canh hồ tiêu bền vững tỉnh Gia Lai	Gia Lai		2017-2019		136.598	83.551	350		
(12)	Hạ tầng phát triển chăn nuôi đại gia súc huyện M'Đrăk	Đắk Lắk		2017-2019		85.000	70.000	150		
(13)	Cụm CTTL phục vụ vùng rau hoa xứ lạnh KonPlông	K. Tum		2018-2022		148.650	110.250	1.000		
(14)	Hạ tầng phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Đam Rông	Lâm Đồng		2017-2021		130.000	124.500	1.000		
(15)	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng phát triển thâm canh điều bền vững tỉnh Bình Phước	Bình Phước		2017-2020		113.948	85.461	1.000		
(16)	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng vùng sản xuất tập trung tỉnh Hải Dương	Hải Dương				150.000	105.000	100		
	Khởi công mới					331.079	264.863	206.000	200.897	
(1)	Sản xuất giống cà phê, hồ tiêu giai đoạn 2016-2020	ĐLạc, ĐNông, G.Lai	SX giống	2016-2018	1078/QĐ-BNN-XD, 31/3/16	66.233	14.779	11.000	10.970	
(2)	Công trình thủy lợi Xuân Trường, huyện Bảo Lạc	Cao Bằng	T, CN	2016-2018	1069/QĐ-BNNB-TCTL, 31/3/16	65.420	65.420	55.000	53.927	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(3)	Hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng tỉnh Nam Định	Nam Định	T' 746; Ti 740	2016-2020	1066/QĐ-BNN-TCTL, 31/3/16	199.426	184.664	140.000	136.000	
	Chuyển tiếp					117.912	29.877	27.000	26.940	
(1)	SX giống lạc, đậu tương, giai đoạn 2011-2020	HN; Bình Định	SX giống	2017-2019	2728, 30/06/2016	117.912	29.877	27.000	26.940	
	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững					1.712.495	1.489.942	340.771	335.243	
	Chuẩn bị đầu tư					430.000	414.000	2.000	4.500	
(1)	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Bắc Sông Gianh, Thị xã Ba Đồn	Quảng Bình	1000 chiếc/1000C V	2020-2025	677 QĐ/BNN-KH ngày 28/2/2019	350.000	334.000	1.000	4.000	
(2)	Đầu tư xây dựng Vùng sản xuất Ngao giống tập trung Thái Thụy	Thái Bình		2018-2021		80.000	80.000	1.000	500	
	Khởi công mới					182.662	162.655	123.156	140.103	
(1)	Hạ tầng vùng Nuôi trồng thủy sản ruộng trũng Ninh Bình	Ninh Bình	NTTS	2016-2020	4427, 30/10/2015	100.677	80.670	78.156	75.103	
(2)	Nâng cấp Hạ tầng vùng Nuôi trồng thủy sản Nam Bắc sông Gianh, tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	NTTS	2017-2021	4444, 28/10/2016	81.985	81.985	45.000	65.000	
	Chuyển tiếp					1.099.833	913.287	215.615	190.640	
(1)	Hạ tầng vùng sản xuất giống tập trung - Văn Đồn, tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	NTTS	2015-2019	3461/QĐ-BNN-TCTS, 6/8/2014	213.314	115.706	80.565	79.500	
(2)	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Hội - Xuân Phổ, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1)	Hà Tĩnh	" - DT đất: 20ha - 500 tàu/ 600cv - Kết hợp dịch vụ hậu cần."	2012-2016	1482/QĐ-BNN-TCTS, 22/6/2012	108.949	100.149	45.000	32.500	
(3)	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cát Bà, Hải Phòng	Hải Phòng	- DT: 54,5ha - 1000 tàu 600cv	2013-2016	2539, 29/10/2013	184.952	183.859	3.000	590	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
(4)	Hệ thống thủy lợi phục vụ Nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (giai đoạn 1+2)	Cà Mau	NTTS	2016-2020	3202 31/7/2017	200.848	170.900	69.000	64.150	
(5)	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Sông Dinh, BR.Vũng Tàu	BR.Vũng Tàu	DT đất 4,9 ha; nước 83,7ha 1200 tàu 600 CV	2012-2015	1438, 27/6/2013	107.843	67.035	2.000	500	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, kiểm định Nuôi trồng thủy sản đồng bằng SCL	Cần Thơ	-DT đất: 1.454m2, KNKNKĐ NTTS	2012-2016	2501/QĐ-BNN-TCTS	108.704	108.704	13.300	11.710	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước giai đoạn									
(1)	Dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	Phú Thọ	NTTS	2010-2013	3286, 24/10/2008	50.819	42.530	480	198	
(2)	Khu B - Trung Tâm Quốc Gia Giống Hải Sản Nam Bộ	Bà Rịa - Vũng Tàu	SX giống	2009-2014	1920/QĐ-BNN-TCTS, 19/8/2013	64.883	64.883	1.770	1.492	
(3)	Trung tâm chọn giống cá rô phi Quảng Nam	Quảng Nam	50 triệu con giống/năm	2012-2014	3794/QĐ-BNN-TCTS, 4/9/2014	59.521	59.521	500		
	Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải					77.250	77.250	33.699	28.532	
	Chuẩn bị đầu tư					15.000	15.000	300		
(1)	Cải tạo hệ thống cung cấp nước sạch Trường CĐ Công nghệ và kinh tế Hà Nội	Hà Nội		2019-2021		15.000	15.000	300		
	Khởi công mới					62.250	62.250	33.399	28.532	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Xây dựng hệ thống thoát nước Trường CĐ Cơ điện và Xây dựng Việt Xô	Ninh Bình	HT thoát nước	2016-2018	4428, 30/10/2015	17.853	17.853	15.968	15.601	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(2)	Xây dựng, cải tạo hệ thống cung cấp NS và xử lý nước thải Trường CĐ nghề CĐ và XD Bắc Ninh	Bắc Ninh	HT thoát nước; 01 trạm XL nước thải	2016-2018	4430, 30/10/2015	14.681	14.681	13.113	12.931	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau									
(1)	Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch và hồ chức nước, PCCC VQG Cúc Phương	Ninh Bình	HT cung cấp NS	2020-2022	4494, 31/10/2016	29.716	29.716	4.318		
	Công nghệ thông tin					6.000	6.000	5.900	5.664	
	Khởi công mới					6.000	6.000	5.900	5.664	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Hà Nội	HT dịch vụ công	2016-2017	4431, 30/10/2015	6.000	6.000	5.900	5.664	
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					32.155.608	28.623.661	20.280.179	20.280.556	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	Ninh Thuận	T7480 ha	2017-2021	550/QĐ-BNN-XD ngày 25/02/2020	5.951.468	5.951.468	4.315.600	4.589.600	
	Chuẩn bị đầu tư					2.002.316	1.935.316	21.671	8.645	
(1)	Nâng cấp, cải tạo CSHT đồng muối Bảo Thạnh	Bến Tre				65.000	65.000	200		
(2)	Đầu tư trang thiết bị công nghệ sinh học cho Viện Công nghệ sinh học lâm nghiệp, Trường Đại học Lâm nghiệp	Hà Nội			2014, 27/5/2016	421	421	300		
(3)	Cơ sở hạ tầng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Hải Phòng		2017-2021		100.000	100.000	1.000		
(4)	Hạ tầng thủy lợi chuyển đổi cơ cấu cây trồng Đông Bắc huyện Thái Thụy	Thái Bình				73.000	73.000	1.000		
(5)	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ tái cơ cấu cây trồng tỉnh Yên Bái	Yên Bái				80.000	65.000	1.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
(6)	HTTL phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng huyện Yên Lập	Phú Thọ				99.000	90.000	1.000		
(7)	SCNC Trạm bơm Bá Nữ	Hải Dương				150.000	150.000	1.000		
(8)	Đầu tư xây dựng trung tâm huấn luyện của Kiểm lâm vùng III	TP.HCM và Bình Dương						400	325	
(9)	Hồ chứa nước Ia Thul	Gia Lai			859, 20/3/2011	5.368	5.368	1.168	5.168	
(10)	HT cấp nước nông thôn 9 xã, huyện Ý Yên (Dự án PPP tiên phong)	Nam Định				1.500	1.500	1.500		
(11)	Tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong ngành NN&PTNT	Toàn quốc		2016-2016	3272 9/8/2016	200	200	200	165	
(12)	Tưới cây hồ tiêu tỉnh Quảng Trị	Q. Trị		2017-2019		50.000	40.000	1.200		
(13)	Hồ chứa nước Khuổi Dáng	Cao Bằng		2017-2021		80.000	80.000	1.000		
(14)	Xây dựng cơ quan Kiểm lâm vùng IV	Đắc Lắc		2016-2018				150		
(15)	Hồ chứa nước Huổi Bè	Điện Biên			2011, 30/8/202011	65.177	65.177	500		
(16)	Nâng cấp hệ thống thủy lợi kênh Lam Trà	N. An			2086, 22/10/2010	174.337	174.337	2.000		
(17)	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thu giữ nước, tưới tiết kiệm cho nông nghiệp đảo Lý Sơn	Quảng Ngãi		2015-2019		80.000	80.000	150		
(18)	Cụm CTTL Đăk Glei	K.Tum		2019-2023		373.313	373.313	1.487	2.487	
(19)	Thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	K. Hòa		2018-2022		150.000	125.000	1.000		
(20)	SCNC Hồ Vực Tròn (giai đoạn I)	Quảng Bình		2018-2022		80.000	72.000	1.116		
(21)	Đầu tư xây dựng Trạm Kiểm dịch thực vật Lâm Đồng	Lâm Đồng						100		
(22)	Đầu tư xây dựng Trạm KDTV LaLay- Chi cục KDTV vùng III	Quảng Trị						100		
(23)	Mở rộng và nâng cấp Trạm KKN giống cây trồng	Quảng Ngãi; Hưng Yên; BR-VT						200		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(24)	XD khu lâm nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất phía Bắc	Vĩnh Phúc						450		
(25)	XD khu lâm nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất phía Nam	Bình Dương						450		
(26)	Trung tâm quan trắc cảnh báo môi trường phòng ngừa dịch bệnh thủy sản khu vực Miền Trung	Khánh Hòa			3590/QĐ-BNN-KH, 30/8/2016	75.000	75.000	1.000	500	
(27)	Cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Vân Đồn - Quảng Ninh (giai đoạn 1)	Quảng Ninh				150.000	150.000	1.000		
(28)	Cảng cá Thụy Tân tỉnh Thái Bình	Thái Bình				150.000	150.000	1.000		
	Khởi công mới					16.300.454	13.393.470	11.569.070	11.525.282	
(1)	Xây dựng hệ thống trực canh, cảnh báo thiên tai, đa mục tiêu (GĐ 1)	13 tỉnh, TP	HT cảnh báo thiên tai	2016-2018	1032/QĐ-BNN-XD, 30/10/2016	181.348	173.481	65.000	61.924	
(2)	Dự án cấp bách, xung yếu đề điều, phòng chống thiên tai tại GĐ 2016-2020	các tỉnh	Củng cố đề điều	2016-2020	4479, 31/10/2016	500.000	500.000	400.000	402.169	
(3)	NC HTTL phục vụ NTTS khu vực tây đường tránh TP Long Xuyên	A.Giang	CN 1265	2017-2022	4463, 28/10/2016	100.582	80.025	72.000	69.000	
(4)	Nâng cấp mở rộng cảng cá Thọ Quang, tp Đà Nẵng	Đà Nẵng	Nâng cấp	2017-2020	4457, 28/10/2016	217.527	119.932	40.000	60.000	
(5)	Nâng cấp và mở rộng Cảng cá Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	Nâng cấp	2019-2022	1112, 31/3/2017	174.000	119.932	96.000	107.700	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Kè sông Cầu đoạn qua TP Bắc Kạn	Bắc Kạn	ATCT	2017-2021	4418 30/10/2017	170.000	170.000	153.000	159.000	
(2)	Hồ chứa nước Ngòi Giành	Phú Thọ	T 7.690 ha, CNSh	2017-2021	1685 13/05/2020	1.279.000	983.100	683.100	983.100	
(3)	Hồ chứa nước Cánh Tạng	Hòa Bình	T 2510 ha, CNSH	2017-2022	1456 26/4/2018	3.115.000	1.950.000	1.755.000	1.677.000	
(4)	Hồ chứa nước Xả Dề Phìn	Lai Châu	T 300ha, CNSH 10600ng	2017-2021	3904 29/9/2017	130.000	130.000	117.000	130.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(5)	Hệ thống thủy lợi Rào Nan	Q.Bình	T 1.800 ha, CNSH, CN; NM	2017-2021	4428 30/10/2017	350.000	350.000	315.000	350.000	
(6)	Hồ chứa nước sông Chò I	Khánh Hòa	Tưới 2500ha, CN	2017-2021	4433 30/10/2017	956.007	950.000	855.000	475.000	
(7)	Hồ chứa nước sông Lũy	Bình Thuận	Tưới 32.000ha	2017-2021	4435 30/10/17	1.484.000	1.484.000	1.336.000	1.246.000	
(8)	Hồ chứa nước EaHleo I	Đăk Lăk	T 4100ha, CNSH	2017-2021	3902 29/09/2017	1.477.729	1.100.000	990.000	780.000	
(9)	Cụm CTTL Ia H' Đrai	Kon Tum	T 930ha, CNSH	2017-2021	4432 30/10/17	325.000	325.000	292.500	322.500	
(10)	HTTL Trạm bơm cống Xuân Hòa	Tiền Giang	Tiếp nước ngọt 50.000ha	2017-2021	4360 30/10/17	250.000	250.000	225.000	250.000	
(11)	HTTL Nam Bến Tre	Bến Tre	Ngăn mặn, giữ ngọt	2017-2021	1700 13/5/2020	298.761	270.000	180.000	270.000	
(12)	Kênh Mây Phốp - Ngã Hậu	Trà Vinh, Vĩnh Long	T 30.000 ha; Tiêu 167.980ha	2017-2021	2906 04/7/2017	458.000	450.000	405.000	375.000	
(13)	Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé (giai đoạn 1)	Kiên Giang, Cà Mau	Ngăn mặn, giữ ngọt Kiên Giang, Cà Mau, Hậu Giang	2017-2021	5078 25/12/2018	3.309.500	3.300.000	2.970.000	3.150.000	
(14)	Công trình thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang (giai đoạn 2)	H. Tĩnh	T 32.585 ha, CN	2017-2021	1098/QĐ-BNN-KH; 31/3/2017	1.486.000	650.000	585.000	622.000	
(15)	Tăng cường năng lực cho TT khảo kiểm nghiệm giống vật nuôi	Hà Nội	Nâng cấp	2016-2018	1076, 31/3/2016	30.000	30.000	27.000	26.889	
(16)	XD khu tách ly kiểm dịch động vật Móng Cái - giai đoạn II	Quảng Ninh	Nâng cấp	2017-2019	1074/D-BNN-XD, 31/3/2016	8.000	8.000	7.470	8.000	
	Chuyển tiếp					7.901.370	7.343.407	4.373.838	4.157.029	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
(1)	H TTL Tà Pao	B.Thuận	T'20.340 ha	2009-2021	5010 21/12/18; 653 27/02/19	2.536.650	2.028.605	1.168.000	1.068.000	
(2)	Hồ chứa nước Krông Pách Thượng	Đ.Lắc	T'14.000 ha	2010-2021	1394 15/5/09; 4988 20/12/18	4.421.236	4.421.236	2.732.000	2.630.000	
(3)	H TTL Tiểu vùng III- Nam Cà Mau, huyện Trần Văn Thời, Cái Nước	Cà Mau	CN 7420	2014-2019	2602, 16/9/2009	198.877	198.877	129.900	125.900	
(4)	H TTL phục vụ NTTS Tâm Vu Lộ, huyện Cầu Ngang	Trà Vinh	CN 1080	2015-2019	2726, 28/9/2009	140.054	140.054	97.800	94.427	
(5)	NC H TTL phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng ven sông Châu Giang, huyện Bình Lục-Hà Nam	Hà Nam	T'Ti 3288	2015-2019	2410, 16/06/2016	66.458	56.797	48.299	46.831	
(6)	Trung tâm quan trắc cảnh báo môi trường phòng ngừa dịch bệnh thủy sản khu vực Miền Bắc	Bắc Ninh	- DT: 12.700 m ²	2015-2019	2388/QĐ-BNN-TCTS, 17/10/2013	75.531	75.531	51.341	51.000	
(7)	Hạ tầng vùng Sản xuất giống thủy sản tập trung Chí Công, tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	" - DT đất: 154ha - 12 tỷ tôm giống sạch bệnh"	2014-2019	2558/QĐ-BNN-TCTS, 30/10/2013	127.079	98.553	46.606	46.372	
(8)	Nâng cấp hạ tầng nuôi tôm công nghiệp Thanh Hóa	Thanh Hoá	- DT đất: 457ha; SX tôm he trắng 10-12 tấn/vụ/ha;	2015-2019	1141/QĐ-BNN-TCTS, 01/6/2011; 2559/QĐ-BNN-TCTS, 30/10/2013	112.188	112.188	77.970	77.948	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước giai đoạn									
(1)	Hồ Lòng Sông (Hợp phần Cty KTCTTL Bình Thuận)	B.Thuận	T' 4260	1998-2011	1585, 14/6/2010	36.899	36.899	1.699	632	
(2)	Dự án Đầu tư xây dựng Phân Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản Bắc Trung Bộ	Nghệ An	Nâng cấp		3058, 27/10/2009	31.959	31.959	1.415	215	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(3)	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Cà Ná	Ninh Thuận	" - Chiều dài bến 120m - 1200 tàu <400CV - 27.000 tấn/năm "	2006-2014	565/QĐ-BNN-TCTS, 19/3/2013	46.987	46.987	8.808	7.500	
(4)	Cảng cá và Khu dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ	Quảng Ngãi	" - DT: 22 ha - Chiều dài bến 275m - 12.000 tấn/năm "	2010-2015	199/QĐ-BNN-TCTS, 16/01/2015	107.452	95.721	10.000	8.204	
	Thể thao					112.801	101.801	13.221	11.786	
	Chuẩn bị đầu tư					90.000	79.000	800		
(1)	Xây dựng, khu giáo dục thể chất Trường CĐ nghề cơ điện - xây dựng và Nông lâm trung Bộ	Bình Định		2018-2020		20.000	18.000	200		
(2)	Xây dựng khu giáo dục thể chất Trường cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội	Hà Nội		2019-2021		20.000	18.000	200		
(3)	Xây dựng khu giáo dục thể chất Trường CĐ nghề cơ khí nông nghiệp	Vĩnh Phúc		2020-2022		20.000	18.000	200		
(4)	Cải tạo, nâng cấp khu Giáo dục thể chất Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Hà Nội		2020-2022		30.000	25.000	200		
	Chuyển tiếp					22.801	22.801	12.421	11.786	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Xây dựng công trình Khu giáo dục thể chất Trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ	Hà Nam	Nâng cấp, sửa chữa	2015-2017	1370, 20/6/2014	22.801	22.801	12.421	11.786	
	Khoa học, công nghệ					264.967	263.308	138.026	187.146	
(1)	Tăng cường năng lực nghiên cứu cho Viện Chăn nuôi	Hà Nội	Nâng cấp	2020-2023	4091 29/10/2019	45.000	45.000	10.000	40.200	
	Chuẩn bị đầu tư					600	600	300	60	
(1)	Tăng cường cơ sở vật chất và năng lực nghiên cứu cho Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	HN; Lâm Đồng	Nâng cấp, sửa chữa			600	600	300	60	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
	Khởi công mới					111.655	109.996	76.000	98.900	
(1)	Tăng cường cơ sở vật chất và năng lực nghiên cứu cho Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	HN; Lâm Đồng	Sửa chữa, nâng cấp	2019-2023	4439, 28/10/2016	50.000	50.000	38.000	45.000	
(2)	Cải tạo, tăng cường năng lực nghiên cứu của Viện KHTL Việt Nam và các đơn vị trực thuộc	Hà Nội, Đà Nẵng	Nâng cấp, sửa chữa	2019-2023	4432, 28/10/2016	61.655	59.996	38.000	53.900	
	Chuyển tiếp					107.712	107.712	51.726	47.986	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Cải tạo nâng cấp Trung tâm Nghiên cứu Rau hoa thuộc Viện KHKT NN miền Nam	Lâm Đồng	Nâng cấp, sửa chữa	2016-2018	4137, 30/9/2014	14.960	14.960	14.460	13.033	
(2)	Đầu tư cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc và tăng cường trang thiết bị hoạt động Viện QH và TKNN	HN, TPHCM	Nâng cấp, sửa chữa	2014-2016	1067, 13/5/2013	29.000	29.000	9.300	8.767	
(3)	Tăng cường năng lực Viện Quy hoạch thủy lợi	Hà Nội và Đắk Lắk	Nâng cấp, sửa chữa	2014-2017	2638, 31/10/2011	32.608	32.608	13.800	12.670	
(4)	Đầu tư xây dựng khu nghiên cứu thực nghiệm và chuyển giao công nghệ công nghiệp rừng	V.Phúc	Nâng cấp, sửa chữa	2014-2018	2565, 31/10/2013	31.144	31.144	14.166	13.516	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					372.035	345.715	224.766	220.834	
	Chuẩn bị đầu tư							2.120	3.020	
(1)	Đầu tư xây dựng Nhà thí nghiệm-thực hành, thư viện Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang	Bắc Giang		2019-2020				500		
(2)	Đầu tư nâng cấp Trường Trung học Thủy sản	TP.HCM		2018-2019				500		
(3)	Đầu tư xây dựng Nhà hiệu bộ, thư viện kết hợp giảng đường Trường CĐ thủy lợi Bắc Bộ	Hà Nam		2019-2020				500		
(4)	Đầu tư xây dựng Xưởng kỹ thuật máy nông nghiệp, Trường CĐN Cơ khí Nông nghiệp	Vĩnh Phúc		2019-2020				220	1.520	
(5)	Nâng cấp, mở rộng Trường CĐ Kinh tế và Công nghệ thực phẩm	Hải Phòng		2019-2023				400	1.500	
	Khởi công mới					246.859	220.539	193.246	191.866	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú	
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW				
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn										
(1)	Hoàn thiện ký túc xá 11 tầng, Trường Đại học Lâm nghiệp	Hà Nội	11000 SV	2016-2018	4393, 30/10/2015	60.000	45.000	39.400	39.300		
(2)	Nâng cấp, cải tạo Trường CĐ Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc	Lâm Đồng	4000 HS,SV	2016-2020	4390, 30/10/2015	64.259	59.939	53.446	52.916		
(3)	Cải tạo, nâng cấp Trường Cao đẳng nghề Công nghệ, Kinh tế và Chế biến lâm sản	Hà Nam	4000 HS,SV	2016-2020	4392, 30/10/2015	70.000	65.000	56.200	55.900		
(4)	Cải tạo, nâng cấp Trường Cao đẳng nghề Công nghệ, Kinh tế và Thủy sản	Hải Phòng	3600 HS,SV	2016-2018	1008, 30/3/2016	35.000	33.000	28.400	28.000	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau										
(1)	Đầu tư xây dựng Nhà hiệu bộ Trường Cán bộ quản lý NN&PTNT I	Hà Nội	4000 HS,SV	2020-2022	4438, 28/10/2016	17.600	17.600	15.800	15.750		
	Chuyển tiếp						125.176	125.176	29.400	25.948	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn										
(1)	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng nghề cơ điện - Xây dựng và Nông lâm Trung Bộ	Bình Định	5500 HSSV	2012-2016	2922, 29/10/2010	58.498	58.498	1.500	1.033		
(2)	Đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp	Đồng Nai	4000 HSSV	2013-2017	2644, 29/10/2012	66.678	66.678	27.900	24.915		
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020						350.797	299.997		282.353	
	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư						185.000	145.000		67.500	
	Khởi công mới						185.000	145.000		67.500	
(1)	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất chè tập trung an toàn, chất lượng cao tỉnh Thái Nguyên	Thái Nguyên	120 ha chè	2020-2022	4122 30/10/2019	80.000	65.000		47.500		
(2)	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phát triển vùng chè tập trung an toàn, chất lượng cao tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	Tươi 400ha chè	2020-2023	4121 30/10/2019	105.000	80.000		20.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	Giao thông					30.000	30.000		11.700	
	Khởi công mới					30.000	30.000		11.700	
(1)	Nâng cấp cải tạo đường giao thông VQG Cúc Phương	Ninh Bình	22,5 km	2020-2022	4132 30/10/2019	30.000	30.000		11.700	
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					22.000	22.000		138.100	
	Chuẩn bị đầu tư								128.600	
(1)	Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước	Các tỉnh							3.000	
(2)	Cụm hồ Khuổi Dáng, Khuổi Vàng, Bản Lũng	'Cao Bằng	T' 930 ha, CNSH						1.000	
(3)	Cụm công trình thủy lợi huyện Na Rì	Bắc Kạn	T' 1.200ha, CNSH						1.500	
(4)	Hồ Bản Lái giai đoạn 2 (Hệ thống kênh mương)	Lạng Sơn	T' 2.045 ha						1.000	
(5)	Cụm công trình thủy lợi các huyện Bắc Quang, Quang Bình	Hà Giang	T' 3500ha, CNSH						500	
(6)	Hệ thống kênh mương hồ Ngòi Giành	Phú Thọ	T' 7.690ha						2.000	
(7)	Hồ Giang Ma	Lai Châu	T' 330ha, CNSH						500	
(8)	Hồ Nậm Thi	Lai Châu	T' 450ha, CNSH						500	
(9)	Hệ thống kênh mương Nà Sản	Sơn La	T' 2.000ha						1.500	
(10)	Hồ Bản Phủ	Điện Biên	T' 1.020 ha						1.000	
(11)	Hệ thống kênh mương hồ Cánh Tạng	Hòa Bình	T' 6.460ha						3.000	
(12)	Sửa chữa, nâng cấp HTTL Thác Huống	Bắc Giang, Thái Nguyên	Nâng cao hiệu quả						500	
(13)	Xây dựng hệ thống cấp nước tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước	Hà Giang, Cao Bằng	CNSH						3.000	
(14)	Sửa chữa, nâng cấp HTTL Bắc Hưng Hải (GD 2)	Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh	Nâng cao hiệu quả, đảm bảo môi trường						3.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(15)	Sửa chữa, nâng cấp HTTL Bắc Nam Hà (GD 2)	Hà Nam, Nam Định	Nâng cao hiệu quả, đảm bảo môi trường					2.000		
(16)	Nâng cấp bờ, đập điều tiết đầu kênh trên bờ Đa Độ	Hải Phòng	Nâng cao hiệu quả, đảm bảo môi trường					500		
(17)	Đê biển Bình Minh 4 (giai đoạn 2)	Ninh Bình	Phòng chống thiên tai					500		
(18)	Đầu tư nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi 8 xã miền núi phía Đông Bắc huyện Nho Quan	Ninh Bình	T ¹ 1950 ha, Tiêu 1.600ha					1.000		
(19)	Đầu tư nâng cấp trạm bơm Phù Sa	Hà Nội	T 7830 ha					500		
(20)	Tiêu vùng 3 Nông công (giai đoạn 2)	Thanh Hóa	Tiêu úng 4.731 ha					500		
(21)	Hồ Bán Mông giai đoạn 2 (Hệ thống kênh mương)	Nghệ An	T ¹ 18.870ha					3.500		
(22)	Hồ Thác Muối	Nghệ An	T ¹ 5350 ha					3.000		
(23)	Tăng cường khả năng thoát lũ cho hạ du hồ Kẻ Gỗ	Hà Tĩnh	An toàn công trình					500		
(24)	Đập dâng Bến Than	Quảng Trị	T ¹ 1.500ha					1.000		
(25)	Hồ Khe Mước	Quảng Trị	T ¹ 3.000 ha					1.000		
(26)	Hồ Thủy Cam	TT Huế	T ¹ 500ha; CNCN					500		
(27)	Hồ Ô Lâu Thượng	TT Huế	T ¹ 7.500ha và NTTS 1.300ha					2.000		
(28)	Hồ Trường Đồng	Quảng Nam	T ¹ 1.150 ha					1.000		
(29)	Hồ Sông Côn	Quảng Nam	T ¹ 5.500 ha					2.000		
(30)	Sửa chữa nâng cấp HTTL Tân An - Đập Đá	Bình Định	Nâng cao hiệu quả					1.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
(31)	Hồ Chà Rạng	Khánh Hòa	250 TS, 410 màu					1.000		
(32)	Hệ thống kênh khu tưới đầu mối hồ Sông Cái (HTTL Tân Mỹ)	Ninh Thuận	T'640 ha					1.500		
(33)	Hệ thống công trình sử dụng nước hồ Sông Lũy	Bình Thuận	T' 10.000 ha					1.000		
(34)	Hồ La Ngà 3	Bình Thuận	T'78.800 ha					4.000		
(35)	Hồ Krông Pách Thượng giai đoạn (Hoàn thiện hệ thống kênh)	Đắk Lắk	T'14.000 ha					3.500		
(36)	Hệ thống kênh mương hồ EaHleo 1	Đắk Lắk	T'4.100 ha					4.000		
(37)	Hồ EaKhal	Đắk Lắk	T'5000 ha					1.000		
(38)	Hệ thống kênh mương hồ Nam Xuân	Đắk Nông	T' 930ha					2.000		
(39)	Cụm hồ Đắk Găn, Đắk Gang	Đắk Nông	T'1.050 ha					2.000		
(40)	Cụm hồ Đắk Rô Gia	Kon Tum	T'1.400 ha, CNSH					2.000		
(41)	Hệ thống kênh mương hồ Dạ Lây	Lâm Đồng	T' 1.114ha					500		
(42)	Sửa chữa nâng cấp HTTL Dầu Tiếng(GĐ 2)	Tây Ninh	Nâng cao hiệu quả					1.000		
(43)	Hệ thống thủy lợi cấp nước 3 xã huyện Xuân Lộc	Đồng Nai	T 3365 ha					500		
(44)	Cụm công trình thủy lợi các huyện biên giới tỉnh Bình Phước	Bình Phước						500		
(45)	Nâng cấp, cải tạo các tuyến kênh trục và hệ thống đê, bờ bao vùng Tứ giác Long Xuyên	An Giang - Kiên Giang	Nâng cao hiệu quả					3.000		
(46)	Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh Hồng Ngự	Đồng Tháp - Long An	Nâng cao hiệu quả					3.000		
(47)	Kết nối và hoàn thiện các hệ thống thủy lợi Bảo Định, Gò Công, Tân Trụ	Long An - Tiền Giang	Nâng cao hiệu quả					2.000		
(48)	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít	Trà Vinh - Vĩnh Long	Nâng cao hiệu quả					2.000		
(49)	HTTL Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 2	Kiên Giang, Cà Mau	Kiểm soát mặn					5.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(50)	Hệ thống công trình điều tiết, bổ sung nước phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng phía nam QL1A	Bạc Liêu- Cà Mau	63.000 ha NTTS						2.000	
(51)	Công trình trữ nước và hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn	BTré, STrăng, BLiêu, CMau, KGiang	Cấp nước sinh hoạt						4.000	
(52)	Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi	An Giang	T1200 ha						500	
(53)	Hoàn thiện HTTL Bắc, Nam Bến Tre	Bến Tre	Kiểm soát mặn						3.000	
(54)	Hồ chứa nước ngọt đảo Thổ Châu	Kiên Giang	Cấp nước sinh hoạt						500	
(55)	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu	8 tỉnh							2.000	
(56)	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi vùng Đồng bằng sông Hồng theo hướng quản lý nước hiệu quả phục vụ Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, nông thôn	10 tỉnh							2.000	
(57)	Quản lý tổng hợp rủi ro lũ lụt thích ứng biến đổi khí hậu	LV sông Hồng, Thái Bình, sông Mã							2.000	
(58)	Dự án Hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên biển - Giai đoạn 2	Hà Nội và 28 tỉnh	QL thông tin nghề cá trên biển						3.000	
(59)	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu	Bạc Liêu	103ha						3.000	
(60)	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống cá Tra tập trung tỉnh An Giang	An Giang	350 ha						3.000	
(61)	Khu neo đậu tránh trú bão đảo Cô Tô	Quảng Ninh	1.200 tàu						2.000	
(62)	Nâng cấp mở rộng khu neo đậu tránh trú bão An Hòa kết hợp cảng cá Tam Quang	Quảng Nam	1.200 tàu						500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(63)	Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá đảo Phú Quý (GD 2)	Bình Thuận	1.000 tàu					500		
(64)	Khu neo đậu tránh trú bão Sông Tắc kết hợp với Cảng cá Hòn Rớ	Khánh Hòa	1.500 tàu					500		
(65)	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá sông Cửa Lấp	Bà Rịa Vũng Tàu	1.200 tàu					500		
(66)	Dự án Phát triển thủy sản bền vững	10 tỉnh ven biển						2.000		
(67)	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm nguồn gen vật nuôi Quốc gia công nghệ cao	Hà Nam						2.000		
(68)	Mở rộng Trạm nghiên cứu, nhân giống gia cầm Cẩm Bình	Hải Dương	7,0 ha					1.500		
(69)	Trại gà giống VIGOVA - Phân viện chăn nuôi Nam Bộ	Bình Dương	6,7 ha					2.000		
(70)	Mở rộng Trung tâm nghiên cứu vật Đại Xuyên	Hà Nội						500		
(71)	Xây dựng Trại chăn nuôi lợn giống GGP	Bình Thuận						500		
(72)	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống một số cây trồng vùng khô hạn Nam Trung Bộ	Ninh Thuận						1.000		
(73)	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống lúa thuần cho các tỉnh phía Bắc	Hải Dương, Hà Nội						300		
(74)	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống lúa xuất khẩu	Cần Thơ						300		
(75)	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển vườn giống gốc cây ăn quả chủ lực khu vực phía Nam	Tiền Giang, BR-VT						1.000		
(76)	Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Cát Tiên	Đồng Nai						1.500		
(77)	Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ rừng Vườn quốc gia Cúc Phương	Ninh Bình						1.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(78)	Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống một số loài Thông và cây bản địa trồng rừng gỗ lớn và lấy nhựa	Vĩnh Phúc							500	
(79)	Dự án Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Bắc và miền Trung Việt Nam - giai đoạn 2	5 tỉnh MNPB							2.000	
(80)	Đầu tư xây dựng Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 1	TP. Hải Phòng							500	
(81)	Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ phát triển giống trồng rừng các tỉnh Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ	ĐNai, BThuận, PYên							500	
	Khởi công mới					22.000	22.000		9.500	
(1)	Tăng cường năng lực, trang thiết bị nghiên cứu công nghệ sinh học biển cho Viện nghiên cứu Hải sản	Hải Phòng	Cải tạo nâng cấp	2020-2022	4106 29/10/2019	22.000	22.000		9.500	
	Khoa học, công nghệ								3.500	
	Chuẩn bị đầu tư								3.500	
(1)	Tăng cường cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật cho Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ tại TP. Hồ Chí Minh	TP HCM							1.500	
(2)	Đầu tư xây dựng Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long theo quy hoạch tổng thể giai đoạn 2021-2025	Cần Thơ							500	
(3)	Đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu và làm việc Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam	TP HCM							1.000	
(4)	Nâng cấp Phòng sinh học thực nghiệm thuộc Viện NTTS II thành Trung tâm CNSH	TP. HCM							500	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					113.797	102.997		61.053	
	Chuẩn bị đầu tư								7.000	
(1)	Nâng cấp mở rộng Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc giai đoạn 2	Quảng Ninh	3.500 HSSV						1.500	
(2)	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Cơ điện Tây Bắc giai đoạn 2	Hòa Bình	3.000 HSSV						1.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
(3)	Nâng cấp Cơ sở 1 Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản	Bắc Ninh	3.000 HSSV						1.500	
(4)	Xây dựng nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Cơ điện và Thủy lợi giai đoạn 2021-2025	Hưng Yên	Hưng Yên						500	
(5)	Xây dựng Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ, giai đoạn 2	Phú Thọ	3.000 HSSV						500	
(6)	Xây dựng Xưởng thực hành và hạ tầng kỹ thuật Cơ sở 1 Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng và NL Trung bộ	Bình Định	3.500 HSSV						500	
(7)	Nâng cấp, mở rộng Trường Cao đẳng Cơ giới GD 2	Quảng Ngãi	3.500 HSSV						500	
(8)	Xây dựng, cải tạo Cơ sở 1 Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội	Hà Nội	3.500 HSSV						500	
	Khởi công mới					113.797	102.997		54.053	
(1)	Đầu tư cải tạo, xây dựng Trường Cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình	Ninh Bình	4000 SV	2020-2022	4383, 26/10/2016	55.797	49.997		24.233	
(2)	Cải tạo, nâng cấp Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông lâm Phú Thọ	Phú Thọ	3500 SV	2020-2022	4147 16/10/2017	58.000	53.000		29.820	
	Quản lý nhà nước								500	
	Chuẩn bị đầu tư								500	
(1)	Cải tạo, xây dựng nhà làm việc cơ quan Bộ và nâng cấp nhà lưu trú của Lãnh đạo Bộ tại TP Hồ Chí Minh	TP HCM							500	



Phụ lục II

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 VỐN ĐỐI ỨNG CHO DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI TRONG NỘI BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhà tài trợ	Ngày ký hiệp định	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú	
						Số QĐ: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài (Theo Hiệp định)
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW						
TỔNG SỐ						40.635.401,341	7.596.067,489	3.414.949,448	33.039.334,851	27.776.677,851	1.402.245	1.123.608	
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						40.635.401,341	7.596.067,489	3.414.949,448	33.039.334,851	27.776.677,851	1.402.245	1.123.608	
DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020													
Các dự án khác						6.473.722	985.158		5.488.565	225.908	185.122	175.685	
(1)	Dự án Quản lý nước Bến Tre (Nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre -JICA3)	Bến Tre	JICA	18/07/2017	2017-2022	412/QĐ-BNN-XD 16/02/2017 25/01/2017 412/QĐ-BNN-XD 16/02/2017 12003/VPCP-KTTH 10/11/2017	6.191.338	928.681		5.262.657		141.722	140.685
(2)	Chương trình cải cách giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề - Trung tâm giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề xanh chất lượng cao - Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi	Đồng Nai	Đức	29/12/2017	2018-2021	206/QĐ-TTg, 15/02/2017; 3599/QĐ-BNN-HTQT 05/9/2017	282.384	56.477		225.908	225.908	43.400	35.000
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						34.161.679,341	6.610.909,489	3.414.949,448	27.550.769,851	27.550.769,851	1.217.123	947.923	
Khởi công mới						2.135.712	485.476	353.942	1.650.236	1.650.236	104.983	65.911	
Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau						2.135.712	485.476	353.942	1.650.236	1.650.236	104.983	65.911	
(1)	Nâng cấp hệ thống thủy lợi sông Lèn và sông Mơ nhằm nâng cao khả năng kiểm soát mặn, cải tạo môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu (KEXIMI)	Tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An	KEXIM	24/11/2016	2015-2021	5011/QĐ-BNN-HTQT, 04/12/2015; 950/QĐ-BNN-HTQT, 25/03/2016	2.135.712	485.476	353.942	1.650.236	1.650.236	104.983	65.911
Chuyển tiếp						32.025.967,341	6.125.433,489	3.061.007,448	25.900.533,851	25.900.533,851	1.112.140	882.012	
Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn						16.834.973	3.461.487	1.338.420	13.373.486	13.373.486	491.012	459.064	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhà tài trợ	Ngày ký hiệp định	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú	
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (Theo Hiệp định)				
		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW									
(1)	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc	15 tỉnh gồm: Bắc Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Hòa Bình, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Phú Thọ, Sơn La, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc và Yên Bái	ADB	23/02/2007	2011-2017	2881/QĐ-BNN-KH, 13/11/2012	2.842.800	618.000	233.810	2.224.800	2.224.800	131.100	82.200	
(2)	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên	5 tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng	ADB	16/10/2013	2014-2018	1734/QĐ-BNN-XD, 30/7/2013	1.839.180	159.180	4.200	1.680.000	1.680.000	10.944	14.144	
(3)	Dự án Bắc sông Chu-Nam Sông Mã (ADB6)	Thanh Hóa	ADB	07/09/2010	2012-2017	2542/QĐ-BNN-XD, 26/10/2012	2.998.522	693.687	588.941	2.304.835	2.304.835	272.321	276.021	
(4)	Dự án Quản lý thiên tai (WB5)	10 tỉnh miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Bình Định, Ninh Thuận)	WB	13/09/2012	2012-2019	1370/QĐ-BNN-HTQT, 11/6/2012	3.780.000	630.000	66.780	3.150.000	3.150.000	20.541	28.841	
(5)	Dự án Quản lý và Giảm nhẹ lũ và hạn thiếu vùng sông Mê Kông mở rộng (ADB-GMS1)	Đồng Tháp, Tiền Giang		21/12/2012	2012-2019	2913/QĐ-BNN-TCTL, 19/11/2012	1.351.548	282.911	59.185	1.068.637	1.068.637	28.781	29.581	
(6)	Dự án Phan Rí - Phan Thiết	Bình Thuận	JICA	31/03/2006	2006-2016	2042/QĐ-BNN-XD, 21/7/2009	1.547.233	702.019	376.537	845.214	845.214	10.448	8.600	
(7)	Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự Phát triển bền vững	8 tỉnh gồm: Cà Mau, Sóc Trăng, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Hà Tĩnh, Nghệ An và Thuận Hóa		09/08/2012	2012-2017	2252/QĐ-BNN-KH, 18/9/2012	2.475.690	375.690	8.967	2.100.000	2.100.000	16.877	19.677	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau						10.860.448,341	1.659.650,489	999.022,448	9.200.797,851	9.200.797,851	538.263	339.263	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhà tài trợ	Ngày ký hiệp định	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú	
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (Theo Hiệp định)				
	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW										
(1)	Dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải Co2 (KFWR)	Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Lai Châu, Tuyên Quang và Bảo Kạn	KFW	19/11/2014	2014-2021	367/QĐ-TTg, 12/03/2014; 3084/BNN-HTQT, 10/7/2014	723.992,341	154.604,489	34.501,448	569.387,851	569.387,851	24.000	20.700	
(2)	Dự án Phát triển nông nghiệp có tưới (WB7)	Tỉnh Hà Giang; Hòa Bình; Phú Thọ; Thanh-Hóa; Hà Tĩnh; Quảng Trị và Quảng Nam	WB	24/04/2014	2014-2020	2409/QĐ/BNN-HTQT, 18/10/2013	4.431.000	633.000	464.200	3.798.000	3.798.000	163.263	113.263	
(3)	Dự án nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An (JICA2)	Hà Nội và Nghệ An		22/03/2013	2014-2023	1929/QĐ-BNN-TCTL, 14/8/2012	5.705.456	872.046	500.321	4.833.410	4.833.410	351.000	205.300	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước giai đoạn						4.330.546	1.004.296	723.565	3.326.250	3.326.250	82.865	83.685	
(1)	Chống lũ hạ du sông Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	AFD	08/02/2007	2010-2015	2255/QĐ-BNN-XD, 03/10/2013; 4842/QĐ-BNN-XD, 24/11/2015	670.928	375.945	95.214	294.983	294.983	21.200	20.920	
(2)	Dự án Hỗ trợ Thủy lợi VN (WB31)	Bắc Giang, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Tĩnh; Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Tây Ninh, TP. HCM	WB	19/08/2004	2004-2013	Theo từng tiểu dự án	3.659.618	628.351	628.351	3.031.267	3.031.267	61.665	62.765	



Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

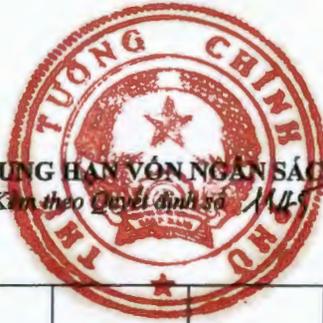
Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRONG NỘI BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					145.547,758	145.547,758	121.200	121.200	
	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam					145.547,758	145.547,758	121.200	121.200	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					112.547,758	112.547,758	121.200	88.200	
	Quản lý nhà nước					112.547,758	112.547,758	121.200	88.200	
	Khởi công mới					112.547,758	112.547,758	121.200	88.200	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Dự án trụ sở cơ quan đại diện phía nam thuộc Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng trụ sở làm việc 12 tầng, 1 tum và 1 tầng hầm và cung cấp, thi công lắp đặt thiết bị cho công trình	2017-2020	833/QĐ-TƯHCTĐ, 31/10/2017	112.547,758	112.547,758	121.200	88.200	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					33.000	33.000		33.000	
	Quản lý nhà nước					33.000	33.000		33.000	
	Khởi công mới					33.000	33.000		33.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư									
(1)	Dự án xây dựng trụ sở Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tại 68 Bà Triệu, TP. Hà Nội	68 Bà Triệu, TP. Hà Nội	Công trình dân dụng cấp 3	2020-2021	123/QĐ-TƯHCTĐ ngày 13/02/2020	33.000	33.000		33.000	



Phụ lục

Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRONG NỘI BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					238.361	238.361	213.867	213.867	
	Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam					238.361	238.361	213.867	213.867	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					238.361	238.361	213.867	213.867	
	Xã hội					90.000	90.000	80.343	89.400	
	Khởi công mới					90.000	90.000	80.343	89.400	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Dự án trung tâm vì sự phát triển Phụ nữ khu vực Bắc Trung Bộ	Quảng Bình	Dân dụng cấp II	2016-2020	530/TTg-KTN, 30/3/2016; 164b/QĐ-ĐCT, 31/3/2016; 51/QĐ-ĐCT, 31/3/2017;	90.000	90.000	80.343	89.400	
	Quản lý nhà nước					148.361	148.361	133.524	124.467	
	Khởi công mới					148.361	148.361	133.524	124.467	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau									
(1)	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam	Hà Nội	Dân dụng cấp I	2018-2021	411/QĐ-TTg, 04/4/2017; 797/QĐ-ĐCT, 31/10/2017	148.361	148.361	133.524	124.467	



Văn phòng Chính phủ

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRONG NỘI BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					600.529	600.529	448.507	448.507	
	Văn phòng Chính phủ					600.529	600.529	448.507	448.507	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					448.507	448.507	448.507	433.507	
	Quản lý nhà nước					448.507	448.507	448.507	433.507	
	Khởi công mới					448.507	448.507	448.507	433.507	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Dự án thành phần 3 -Cải tạo cánh quan, sân vườn quảng trường đón tiếp khách quốc tế, bãi đỗ xe ngầm	Số 01 - Hoàng Hoa Thám - Ba Đình - Hà Nội	Cải tạo, nâng cấp công trình cấp I	2016-2020	234/QĐ-VPCP ngày 30/3/2016	448.507	448.507	448.507	433.507	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					152.022	152.022		15.000	
	Quản lý nhà nước					152.022	152.022		15.000	
	Khởi công mới					152.022	152.022		15.000	
(1)	Dự án sửa chữa cải tạo nhà C tại Trung tâm Hội nghị 37 Hùng Vương	37 đường Hùng Vương - quận Ba Đình - tp Hà Nội	Cải tạo, nâng cấp công trình cấp I	2020-2022	112/QĐ-VPCP ngày 05/3/2020 của VPCP	152.022	152.022		15.000	



Phụ lục

Thanh tra Chính phủ

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kính theo Quyết định số 2195/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					213.819	213.819	50.000			
	Thanh tra Chính phủ					213.819	213.819	50.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					213.819	213.819	50.000			
	Quản lý nhà nước					213.819	213.819	50.000			
	Khởi công mới					213.819	213.819	50.000			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn										
(1)	Dự án Nhà làm việc của Trụ sở tiếp công dân của TW Đảng và Nhà nước tại TP. Hà Nội	Số 01 Ngõ Thị Nhậm - Hà Đông - HN	Nhà 9 tầng, 1 tầng hầm. Diện tích sàn 10.303,3 m ²	2015-2018	225/QĐ-TTCP, 03/02/2016	213.819	213.819	50.000			



Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRONG NỘI BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					64.688	64.688	58.437	58.437	
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư					64.688	64.688	58.437	58.437	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					64.688	64.688	58.437	58.437	
	Công nghệ thông tin					61.500	61.500	55.350	58.437	
	Khởi công mới					61.500	61.500	55.350	58.437	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Nâng cấp hệ thống hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Trung tâm Tin học		2017-2020	1379/QĐ-BKHĐT, 22/9/2016; 382/QĐ-BKHĐT ngày 28/3/2018	61.500	61.500	55.350	58.437	
	Quản lý nhà nước					3.188	3.188	3.087		
	Khởi công mới					3.188	3.188	3.087		
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Xây dựng Chi cục TK huyện Cồ Tô, tỉnh Quảng Ninh	H. Cồ Tô	250	2019-2020	1380/QĐ-BKHĐT, 22/9/2016	3.188	3.188	3.087		



Phụ lục II

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					220.000	220.000	299.000			
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư					220.000	220.000	299.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					220.000	220.000	299.000			
	Chương trình lập, thẩm định, công bố quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050							150.000			
(1)	Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050							150.000			
	Công nghệ thông tin					220.000	220.000	149.000			
	Khởi công mới					220.000	220.000	149.000			
(1)	Xây dựng trung tâm nghiên cứu dữ liệu và năng lực điều hành hệ thống thông tin	Hà Nội		2019-2022	874/QĐ-BKHĐT ngày 08/6/2020	220.000	220.000	149.000			



Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN
(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					1.250.000	862.000	410.000			
	Bộ Giáo dục và Đào tạo					1.250.000	862.000	410.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					1.250.000	862.000	410.000			
	Khởi công mới					500.000	112.000	10.000			
	KCM 2017-2020 hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Dự án xây dựng hệ thống trung tâm quản lý, điều hành giáo dục và đào tạo và triển khai các giải pháp phát triển Chính phủ điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hà Nội	Nâng cao năng lực điều hành toàn diện của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020-2025	1441/QĐ-BGDĐT ngày 02/6/2020	500.000	112.000	10.000			
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					750.000	750.000	400.000			
	Khởi công mới					750.000	750.000	400.000			
	KCM 2017-2020 hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Tiểu dự án 2 Bồi thường, giải phóng mặt bằng khu vực phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng của Đại học Đà Nẵng (giai đoạn 2018-2020) thuộc Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các công trình cấp thiết cho Đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý - Điện Ngọc	Đà Nẵng	Bồi thường giải phóng mặt bằng 40ha	2020-2022	1060/QĐ-TTg ngày 21/7/2020	750.000	750.000	400.000			



Phụ lục

Đại học Quốc gia Hà Nội

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN MÓN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRONG NỘI BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					7.248.663	1.161.971	32.823	32.823	
	Đại học Quốc gia Hà Nội					7.248.663	1.161.971	32.823	32.823	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					32.823	32.823	32.823	11.963	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					32.823	32.823	32.823	11.963	
	Chuẩn bị đầu tư					32.823	32.823	32.823	11.963	
(1)	Dự án ĐTXD Khu trung tâm (QG-HN03)	Hòa Lạc	CBĐT cho 63.500m ²	2019-2020		12.823	12.823	12.823	6.963	
(2)	Dự án Đầu tư Xây dựng Khu viện- Trung tâm nghiên cứu VNC2 (QG-HN12)	Hòa Lạc	CBĐT cho 96,030m ²	2020-2025		10.000	10.000	10.000	2.000	
(3)	Dự án ĐTXD Trường ĐH Công nghệ (QG-HN08)	Hòa Lạc	CBĐT cho 99.000m ²	2020-2025		10.000	10.000	10.000	3.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					7.215.840	1.129.148		20.860	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					7.215.840	1.129.148		20.860	
	Chuẩn bị đầu tư					7.215.840	1.129.148		20.860	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau									
(1)	Dự án ĐTXD Trường Đại học Việt Nhật (sử dụng vốn vay ODA Chính phủ Nhật Bản)	Hà Nội	129.000m ² xây dựng	2020-2025		4.274.000	557.768		8.184	
(2)	Phát triển các Đại học Quốc gia Việt Nam - Tiểu dự án Đại học Quốc gia Hà Nội vay vốn WB	Hà Nội		2020-2025		2.941.840	571.380		12.676	



Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					1.540.745	1.540.745	76.542	168.592	
	Bộ Tài nguyên và Môi trường					1.540.745	1.540.745	76.542	168.592	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					672.051	672.051	76.542	92.754	
	Khởi công mới					56.955	56.955	51.259	51.576	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn					56.955	56.955	51.259	51.576	
(1)	Đầu tư xây dựng 03 trạm Khí tượng, Thủy văn (trạm Thủy văn: Mường Lay, Tạ Bú; trạm Khí tượng Than Uyên) thuộc Đài KTTV khu vực Tây Bắc	Lai châu, Điện Biên, Sơn La,	Đầu tư cơ sở vật chất và lắp đặt trang thiết bị 03 trạm Khí tượng, Thủy văn	2016-2018	2797/BTNMT, 30/10/2015	21.379	21.379	19.241	19.469	
(2)	Đầu tư nâng cấp, cải tạo đồng bộ các trạm Thủy văn: Ba Thá, Bền Đé, Quảng Đạt, Nam Định, Triều Dương và trạm Khí tượng Hà Đông thuộc Đài KTTV khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, giai đoạn 2016-2020	Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên	Đầu tư cơ sở vật chất và lắp đặt trang thiết bị 04 trạm Khí tượng, Thủy văn	2016-2018	2785/BTNMT, 30/10/2015	35.576	35.576	32.018	32.107	
	Chuyển tiếp					615.096	615.096	25.283	41.178	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn					615.096	615.096	25.283	41.178	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(1)	Dự án thành phần "Mua sắm trang thiết bị điều tra, khảo sát GH" thuộc dự án "Nghiên cứu, điều tra, đánh giá khoanh định các cấu trúc địa chất có tiềm năng và triển vọng khí hydrate ở các vùng biển Việt Nam"	Tổng cục Biển & HĐVN	Mua sắm thiết bị điều tra nghiên cứu biển sâu và phương tiện vận chuyển (ô tô)	2014-2015	1411/BTNMT, 14/8/2013	278.661	278.661	3.014	16.552	
(2)	Dự án thành phần "Mua sắm trang thiết bị điều tra, khảo sát GH" thuộc dự án "Nghiên cứu, điều tra, đánh giá khoanh định các cấu trúc địa chất có tiềm năng và triển vọng khí hydrate ở các vùng biển Việt Nam"	Tổng cục Biển & HĐVN	Mua sắm thiết bị điều tra nghiên cứu biển sâu và phương tiện vận chuyển (ô tô)	2014-2015	1411/BTNMT, 14/8/2013	278.661	278.661	5.000	7.250	
(3)	Đầu tư đồng bộ kiến cố các trạm KTTV thuộc Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ giai đoạn 2014-2015 (trạm KT Con Cuông, KT Nga Sơn, KT Tương Dương)	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh	Nhà làm việc, công vụ, HTKT và công trình chuyên môn	2014-2016	2095/BTNMT, 31/10/2013	32.969	32.969	7.300	7.361	
(4)	Đầu tư đồng bộ trạm KT Đắc Tô, TV Kon Tum thuộc Đài KTTV khu vực Tây Nguyên	Kon Tum	Nhà làm việc, công vụ, HTKT và công trình chuyên môn	2015-2017	2341/QĐ-BTNMT, 22/10/2014	24.805	24.805	9.969	10.015	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					868.694	868.694		75.838	
(1)	Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Toàn quốc	Lập nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch	2019-2021		10.000	10.000		1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSTW			
(2)	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Các tỉnh ven biển	Lập nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch	2018-2021		120.000	120.000		20.000	
(3)	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Toàn quốc	Lập nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch	2019-2021		25.000	25.000		500	
(4)	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Toàn quốc	Lập nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch	2019-2021		25.000	25.000		10.220	
(5)	Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Toàn quốc	Lập nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch	2019-2021		45.000	45.000		4.000	
(6)	Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Toàn quốc	Lập nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch	2019-2021		36.000	36.000		3.000	
(1)	Nhiệm vụ lập QH tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Lưu vực sông Hồng - S. Thái Bình	Lập nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch	2017-2021	3399/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2017	43.598	43.598		20.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(2)	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	Lưu vực sông Đồng Nai	Lập nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch	2018-2021	312/QĐ-TNN ngày 28/9/2018	25.000	25.000		5.000	
(3)	Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	Toàn quốc	Lập nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch	2017-2020	370/QĐ-TNN ngày 26/11/2018	30.000	30.000		4.780	
(4)	Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050	Toàn quốc	Lập nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch	2019-2021	Số 259/QĐ-TTg ngày 14/02/2020	36.000	36.000		3.000	
Chuẩn bị đầu tư						7.522	7.522		3.751	
(1)	Đầu tư xây dựng tăng cường cơ sở vật chất Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Bắc Ninh	Bắc Ninh	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng trang thiết bị phục vụ đào tạo và giảng dạy	2020-2020	3285/QĐ-BTNMT ngày 29/10/2018	2.600	2.600		1.000	
(2)	Tăng cường năng lực cơ sở vật chất Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ TN&MT	Hà Nội	Xây dựng hạ tầng và cơ sở vật chất, đầu tư mua sắm trang thiết bị Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ TNMT	2020-2020	3284/QĐ-BTNMT ngày 29/10/2018	960	960		500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(3)	Xây dựng nhà điều hành quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai và giám sát biến đổi khí hậu khu vực Việt Bắc	Phú Thọ	Khảo sát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo NCKT, trình phê duyệt	2020-2020	3251/QĐ-BTNMT ngày 26/10/2018	970	970		500	
(4)	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ điều tra cơ bản cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Hà Nội	Khảo sát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo NCKT, trình phê duyệt	2020-2020	3292/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2018	1.150	1.150		601	
(5)	Dự án: Tăng cường cơ sở vật chất Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Bắc	Hà Nội	Khảo sát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo NCKT, trình phê duyệt	2020-2020	3293/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2018	825	825		500	
(6)	Dự án: Xây mới 66 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất thuộc khu vực duyên hải Nam Trung Bộ	KV duyên hải Nam Trung Bộ	Khảo sát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo NCKT, trình phê duyệt	2020-2020	2759/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2019	500	500		150	
(7)	Sửa chữa, nâng cấp công trình trụ sở cơ quan Bộ Tài nguyên và Môi trường tại số 10 Tôn Thất Thuyết, Hà Nội	Hà Nội	Khảo sát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo NCKT, trình phê duyệt	2020-2020	2788/QĐ-BTNMT ngày 31/10/2019	517	517		500	
	Dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước năm kế hoạch					465.574	465.574		587	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước giai đoạn					465.574	465.574		587	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(1)	Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành KTTV (VSAT)	Toàn quốc	Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị hệ thống thông tin chuyên ngành KTTV (VSAT)	2011-2013	96/QĐ-BTNMT ngày 21/01/2011	349.502	349.502		451	
(2)	Đầu tư đồng bộ, kiến cố các trạm khí tượng thủy văn thuộc Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Trung Trung Bộ, giai đoạn 2011-2015	Q.Ngãi, Q.Bình, TT-Huế	Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị cho các trạm KTTV	2011-2015	114/QĐ-BTNMT ngày 24/01/2011	51.211	51.211		78	
(3)	Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm KTTV tỉnh Hưng Yên và Trạm KTNN Hưng Yên, Trạm Thủy văn Bá Nha, Trạm Thủy văn Ba Lạt và Trạm KTNN Hải Dương.	Các tỉnh	Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị cho các trạm KTTV	2012-2015	119/QĐ-BTNMT ngày 25/01/2011	64.861	64.861		58	



Phụ lục II

Bộ Tài nguyên và Môi trường

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 VỐN ĐỐI ỨNG CHO DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI
 (Kèm theo Quyết định số 1175/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhà tài trợ	Ngày ký hiệp định	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú	
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Vốn nước ngoài (Theo Hiệp định)				
							Tổng số các nguồn vốn	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số				Trong đó: cấp phát từ NSTW
	TỔNG SỐ						1.050.987	134.977	134.977	916.010	434.940	1.200	71.611	
	Bộ Tài nguyên và Môi trường						1.050.987	134.977	134.977	916.010	434.940	1.200	71.611	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020													
	Tài nguyên và môi trường						476.291	41.351	41.351	434.940	434.940	1.200	1.611	
	Chuyển tiếp						476.291	41.351	41.351	434.940	434.940	1.200	1.611	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn						476.291	41.351	41.351	434.940	434.940	1.200	1.611	
(1)	Dự án "Tăng cường năng lực đối phó với thiên tai do biến đổi khí hậu gây ra" (ODA Nhật)	Nghệ An, Hải Phòng	JP	30/06/2010	2014-2017	2096/QĐ-BTNMT, 31/10/2013	476.291	41.351	41.351	434.940	434.940	1.200	1.611	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020						476.291	41.351	41.351	434.940	434.940	1.200	1.611	
	Các dự án khác						574.696	93.626	93.626	481.070			70.000	
	Khởi công mới						574.696	93.626	93.626	481.070			70.000	
	KCM 2016-2020 đã có chủ trương đầu tư và ký kết Hiệp định						574.696	93.626	93.626	481.070			70.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhà tài trợ	Ngày ký hiệp định	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú	
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Vốn nước ngoài (Theo Hiệp định)				
							Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (Theo Hiệp định)					
								Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW				
(1)	Xây dựng trạm Dò tìm, tiếp nhận dữ liệu và Trung tâm xử lý dữ liệu ảnh vệ tinh của Ấn độ tại TP. Hồ Chí Minh	Bình Dương	IND	24/01/2018	2019-2020	2672/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2017	574.696	93.626	93.626	481.070			70.000		



Phụ lục III

Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020
TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					1.589.800	1.589.800	92.000			
	Bộ Tài nguyên và Môi trường					1.589.800	1.589.800	92.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					1.589.800	1.589.800	92.000			
	Chương trình lập, thẩm định, công bố quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050					154.800	154.800	72.000			
(1)	Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Các tỉnh ven biển	Lập nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch	2018-2021		97.000	97.000	32.000			
(2)	Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Toàn quốc	Lập nhiệm vụ quy hoạch, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch	2018-2021		57.800	57.800	40.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
(3)	Dự án "Đầu tư xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường không khí (giai đoạn I)"	các tỉnh	XD các trạm QTMT không khí tự động (trạm cơ bản và trạm chuyên đề), Thiết bị phân tích KK cho 3 trung tâm QTMT	2020-2023	798/QĐ-BTNTM ngày 27/3/2020	515.000	515.000	5.000			
(4)	Dự án "Đầu tư hạ tầng xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia phục vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và Chính phủ điện tử"	các tỉnh	Đo đạc bổ sung, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý	2020-2023	615/QĐ-BTNTM ngày 12/3/2020	500.000	500.000	10.000			
(5)	"Hiện đại hóa mạng lưới độ cao quốc gia phục vụ công tác quy hoạch, xây dựng, phát triển kinh tế xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu tại một số thành phố lớn và khu vực ven biển"	các tỉnh	Xây dựng mốc quốc gia và đo đạc mốc, hoàn thiện dữ liệu	2020-2023	554/QĐ-BTNTM ngày 04/3/2020	420.000	420.000	5.000			



Bộ Thông tin và Truyền thông

Phụ lục

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					26.000	26.000	26.000			
	Bộ Thông tin và Truyền thông					26.000	26.000	26.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					26.000	26.000	26.000			
	Khởi công mới					26.000	26.000	26.000			
(1)	Dự án Xây dựng Chính phủ điện tử (giai đoạn 1)	Hà Nội	Hệ thống công nghệ thông tin	2020-2020	744/QĐ-BTTTT ngày 27/4/2020	26.000	26.000	26.000			



Phụ lục

Bộ Y tế

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					483.820	470.000	413.000	460.000	
	Bộ Y tế					483.820	470.000	413.000	460.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					483.820	470.000	413.000	460.000	
	Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm					483.820	470.000	413.000	460.000	
	Khởi công mới					483.820	470.000	413.000	460.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư					70.000	70.000	63.000	70.000	
(1)	Dự án đầu tư trang thiết bị và cải tạo mở rộng khoa ngoại lồng ngực để phát triển lĩnh vực tim mạch (giai đoạn 1) Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam	mua sắm trang thiết bị và cải tạo mở rộng	2019-2021	5698/QĐ-BYT ngày 4/12/2019	70.000	70.000	63.000	70.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn					413.820	400.000	350.000	390.000	
(1)	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Phổi Trung ương	Hà Nội	Bổ sung Năng lực thiết kế của dự án là xây dựng nâng cấp và cải tạo	2016-2020	4611, 30/10/2015	413.820	400.000	350.000	390.000	



PHỤ LỤC

**BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỒNG
BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 23 tháng 1 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.000.000	
1	Hà Giang	121.396	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	20.859	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2086/QĐ-TTg	100.537	
2	Tuyên Quang	13.810	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	3.542	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2086/QĐ-TTg	10.268	
3	Cao Bằng	39.516	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	13.981	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2086/QĐ-TTg	25.535	
4	Lạng Sơn	43.965	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	43.965	
5	Lào Cai	38.479	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	3.929	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2086/QĐ-TTg	34.550	
6	Yên Bái	40.405	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	30.354	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2086/QĐ-TTg	10.051	
7	Thái Nguyên	3.488	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	3.488	
8	Bắc Kạn	44.905	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	44.905	
9	Phú Thọ	40.766	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	40.766	
10	Bắc Giang	2.540	

STT	Danh mục	Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	2.540	
11	Hòa Bình	17.716	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	17.716	
12	Sơn La	44.510	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	11.198	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2086/QĐ-TTg	33.312	
13	Lai Châu	68.267	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	30.450	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2086/QĐ-TTg	37.817	
14	Điện Biên	21.480	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	10.685	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2086/QĐ-TTg	10.795	
15	Ninh Bình	204	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	204	
16	Thanh Hóa	5.471	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	5.471	
17	Nghệ An	50.934	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	40.382	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2086/QĐ-TTg	10.552	
18	Quảng Bình	25.498	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	9.785	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2086/QĐ-TTg	15.713	
19	Quảng Trị	5.931	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	5.931	
20	Thừa Thiên Huế	7.961	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	7.961	
21	Quảng Nam	45.282	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	45.282	
22	Quảng Ngãi	11.029	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	11.029	
23	Bình Định	7.170	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	7.170	
24	Phú Yên	2.221	

STT	Danh mục	Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	2.221	
25	Ninh Thuận	642	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	642	
26	Bình Thuận	18.842	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	18.842	
27	Đắk Lắk	32.032	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	32.032	
28	Đắk Nông	9.927	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	9.927	
29	Gia Lai	1.742	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	1.742	
30	Kon Tum	126.755	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	102.794	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2086/QĐ-TTg	23.961	
31	Lâm Đồng	4.458	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	4.458	
32	Bình Phước	67.931	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	67.931	
33	Trà Vinh	1.718	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	1.718	
34	Vĩnh Long	486	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	486	
35	Hậu Giang	1.282	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	1.282	
36	Sóc Trăng	4.213	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	4.213	
37	An Giang	972	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	972	
38	Kiên Giang	1.252	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	1.252	
39	Bạc Liêu	2.157	
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	2.157	
40	Cà Mau	22.647	

STT	Danh mục	Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg	22.647	



Tỉnh Hà Giang

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					580.405	580.405	30.000			
	Hà Giang					580.405	580.405	30.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					580.405	580.405	30.000			
	Khởi công mới					580.405	580.405	30.000			
(1)	Công trình khắc phục hậu quả thiên tai bảo vệ trường học, khu dân cư đường biên giới từ UBND xã Tả Ván đi Pao Mã Phìn, Mã Hoàng Phìn Mốc 272/2, mốc 276 huyện Quán Bạ	Tả Ván	Hạ tầng kỹ thuật	2020-2023	09/NQ-HĐND ngày 02/6/2020	299.205	299.205	10.000			
(2)	Kè chống sạt lở khu vực trường học, trạm y tế, nhà lưu trú và trụ sở làm việc xã Bản Páo (cũ), huyện Hoàng Su Phì	Bản Páo	Kè	2020-2025	09/NQ-HĐND ngày 02/6/2020	65.700	65.700	10.000			
(3)	Công trình khắc phục hậu quả thiên tai bảo vệ cơ quan và khu dân cư huyện ủy huyện Hoàng Su Phì	TT Vinh Quang	Hạ tầng kỹ thuật	2020-2023	09/NQ-HĐND ngày 02/6/2020	215.500	215.500	10.000			



Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14
(Kèm theo Quyết định số 4145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					147.941,02	147.941,02	20.000	20.000	60.000	
	Hà Giang					147.941,02	147.941,02	20.000	20.000	60.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					92.882	92.882	20.000	20.000	25.000	
	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					92.882	92.882	20.000	20.000	25.000	
	Chuyển tiếp					92.882	92.882	20.000	20.000	25.000	
(1)	Bổ trí sắp xếp dân cư ra khỏi vùng nguy cơ thiên tai tại thôn Khai hoang xã Ma Lẻ huyện ĐV	Ma Lẻ	Di dân 53 hộ, 146 khẩu (di chuyển, xây dựng công trình hạ tầng cơ sở...)	2012-2023	2326, 25/10/2011; 901/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	92.882	92.882	20.000	20.000	25.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					55.059,02	55.059,02			35.000	
	Các dự án khác					55.059,02	55.059,02			35.000	
	Khởi công mới					55.059,02	55.059,02			35.000	
(1)	Dự án di dân biên giới thôn Hồ Quảng Phìn, xã Phú Lũng, huyện Yên Minh (HM: Đường Giao thông và kè chống sạt lở)	Phú Lũng	Đường + Kè	2020-2022	09/NQ-HĐND ngày 02/6/2020	19.860	19.860			10.000	
(2)	Dự án xây dựng khu tái định cư thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần	Cốc Pài	Xây dựng	2020-2022	09/NQ-HĐND ngày 02/6/2020	35.199,02	35.199,02			25.000	



Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					749.011,188	723.778,239	5.000	40.000	
	Tuyên Quang					749.011,188	723.778,239	5.000	40.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					150.132,949	125.000	5.000	10.000	
	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					150.132,949	125.000	5.000	10.000	
	Chuyển tiếp					150.132,949	125.000	5.000	10.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn					150.132,949	125.000	5.000	10.000	
(1)	Dự án kè suối Nặm Chang bảo vệ khu Trung tâm hành chính huyện Lâm Bình - TQ	Huyện Lâm Bình	2 km	2014-2025	1609/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	150.132,949	125.000	5.000	10.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					598.878,239	598.778,239		30.000	
	Các dự án khác					598.878,239	598.778,239		30.000	
	Khởi công mới					598.878,239	598.778,239		30.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau					598.878,239	598.778,239		30.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(1)	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT.188 đoạn Km48+00 - Km86+300, huyện Chiêm Hóa, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Chiêm Hóa, huyện Lâm Bình	Cải tạo, nâng cấp 36,71 km theo tiêu chuẩn đường giao thông cấp III miền núi (TCVN 4054 - 2005)	2019-2023	493/QĐ-UBND ngày 06/5/2020	598.878,239	598.778,239		30.000	



Phụ lục II

Tỉnh Tuyên Quang

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					348.556,785	203.000	104.908			
	Tuyên Quang					348.556,785	203.000	104.908			
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					200.000	185.000	87.508			
	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng					200.000	185.000	87.508			
	Khởi công mới					200.000	185.000	87.508			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau										
(1)	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Trung tâm xã Vân Sơn qua các thôn Vộc Dầu, Xóm Mới, nhánh vào thôn Mãn Sơn đi xã Hồng Lạc, xã Sầm Dương đến thôn Phan Lương, xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Sơn Dương	L-40Km	2018-2022	09/NQ-HĐND ngày 10/3/2020	200.000	185.000	87.508			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					148.556,785	18.000	17.400			
	Khởi công mới					148.556,785	18.000	17.400			
	KCM 2016-2020 hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tuyên Quang	Tỉnh Tuyên Quang	200 đến 300 học viên	2019-2025	10/NQ-HĐND ngày 10/3/2020	148.556,785	18.000	17.400			



Phụ lục III

Tỉnh Tuyên Quang

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14
(Kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					171.747	120.000	4.000	4.000	50.000	
	Tuyên Quang					171.747	120.000	4.000	4.000	50.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					171.747	120.000	4.000	4.000	50.000	
	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					171.747	120.000	4.000	4.000	50.000	
	Khởi công mới					171.747	120.000	4.000	4.000	50.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau					171.747	120.000	4.000	4.000	50.000	
(1)	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, vùng rừng phòng hộ đầu nguồn tại thôn Ngòi Cái, xã Tiến Bộ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Yên Sơn	Bố trí tái định cư cho 43 hộ dân; Khu TĐC Nà Tạng 20 hộ dân; khu TDC thôn Tát Ké: 23 hộ dân.	2016-2020	390/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	83.547	60.000	2.000	2.000	20.000	
(2)	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh, Tát Ké, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	huyện Na Hang	Bố trí tái định cư cho 72 hộ gia đình	2016-2020	389, 31/3/2016	88.200	60.000	2.000	2.000	30.000	



Phụ lục I

Tỉnh Cao Bằng

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					365.000	328.000	28.000			
	Cao Bằng					365.000	328.000	28.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					365.000	328.000	28.000			
	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở cai nghiện ma túy					20.000	18.000	18.000			
	Khởi công mới					20.000	18.000	18.000			
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Cải tạo nâng cấp trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Cao Bằng	Huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Xây dựng mới: Nhà ở cán bộ quản lý; Nhà điều trị cai nghiện số 1, số 2; Nhà điều trị cắt còi; Nhà ăn + Thăm nuôi đối tượng; hệ thống cấp điện cho trạm bơm cấp I.	2020-2021	727/QĐ-UBND 06/5/2020	20.000	18.000	18.000			
	Giao thông					345.000	310.000	10.000			
	Khởi công mới					345.000	310.000	10.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Dự án Nâng cấp, cải tạo đường Nà Pông-Đức Hạnh (cầu qua Sông Gâm)	Huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường dài khoảng 24 Km đạt tiêu chuẩn cấp V miền núi, cầu đạt tiêu chuẩn cấp IV miền núi	2020-2024	10/2020/NQ-HĐND, 19/03/2020	345.000	310.000	10.000			



Tỉnh Cao Bằng

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					111.000	100.000			100.000	
	Cao Bằng					111.000	100.000			100.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					111.000	100.000			100.000	
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					111.000	100.000			100.000	
	Khởi công mới					111.000	100.000			100.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn					111.000	100.000			100.000	
(1)	Dự án kè chống sạt lở bờ, ổn định dân cư bờ trái sông Bằng, thành phố Cao Bằng	TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Chiều dài kè 1.550m, kè BTCT M250	2020-2021	10/2020/NQ-HĐND; 19/03/2020	111.000	100.000			100.000	



Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN
(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Số km	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ										
	Lạng Sơn					1.674.623	1.465.519	105.500			
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					613.371	409.267	22.500			
	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng					613.371	409.267	22.500			
	Chuyển tiếp					613.371	409.267	22.500			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn										
(1)	Đường Bán Năm - Bình Độ - Đào Viên	Tràng Định	30,1 km	2012-2019	1690/QĐ-UBND; 24/10/2010; 1378/QĐ-UBND ngày 9/8/2016 2089/QĐ-UBND ngày 9/11/2017; 810/QĐ-UBND ngày 08/5/2020	613.371	409.267	22.500			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					1.061.252	1.056.252	83.000			
	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở cai nghiện ma túy					23.000	18.000	18.000			
	Khởi công mới					23.000	18.000	18.000			
(1)	Nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn	Cao Lộc	xây mới 920m2 sàn xây dựng và các hạng mục phụ trợ, cải tạo, trang thiết bị khác	2020-2021	827/QĐ-UBND ngày 11/5/2020	23.000	18.000	18.000			
	Giao thông					988.252	988.252	50.000			
	Khởi công mới					988.252	988.252	50.000			
(1)	Cải tạo nâng cấp QL.4B (đoạn Km3+700 đến Km18)	Các huyện Cao Lộc, Lộc Bình	13,465km đường cấp III miền núi	2021-2024	08/NQ-HĐND ngày 12/6/2020	988.252	988.252	50.000			
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					50.000	50.000	15.000			
	Khởi công mới					50.000	50.000	15.000			
(1)	Kè chống sạt lở bờ sông Kỳ Cùng thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng	Văn Lãng	360m kè bê tông cốt thép	2020-2021	1089/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	50.000	50.000	15.000			



Tỉnh Lào Cai

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					219.722	219.722		20.000	
	Lào Cai					219.722	219.722		20.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					219.722	219.722		20.000	
	Các dự án khác					219.722	219.722		20.000	
	Khởi công mới					219.722	219.722		20.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn					219.722	219.722		20.000	
(1)	Dự án Bệnh viện đa khoa huyện Mường Khương	Huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai	150 giường bệnh, diện tích 13.986m ² , trong đó: Khối nhà ngoại trú 3.000m ² ; nhà nội trú 5.400m ² ;	2020-2023	06/NQ-HĐND ngày 12/6/2020	219.722	219.722		20.000	



Tỉnh Lào Cai

Phụ lục II

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Dựa trên Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					30.000	30.000			10.000	
	Lào Cai					30.000	30.000			10.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					30.000	30.000			10.000	
	Các dự án khác					30.000	30.000			10.000	
	Khởi công mới					30.000	30.000			10.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn					30.000	30.000			10.000	
(1)	Dự án bố trí, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, sạt lở đất thôn Móng Sến 1, 2, xã Trung Chải, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Xã Trung Chải, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Sắp xếp dân cư cho 54 hộ	2020-2022	Số 488/QĐ-UBND ngày 27/2/2020	30.000	30.000			10.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(1)	Cầu Tuần Quán	TP. Yên Bái	Cấp I	2015-2019	1688/QĐ-UBND, 31/10/2011; 2794/QĐ-UBND ngày 18/11/2019; 2867/QĐ-UBND ngày 22/11/2019	722.634	361.893	361.893	335.193	
	Khởi công mới					260.000	260.000	20.000	50.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn									
(1)	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Trạm Tấu (Yên Bái) - Bắc Yên (Sơn La)	H. Trạm Tấu	Cấp V miền núi, chiều dài 16km	2020-2023	04/NQ-HUBND ngày 15/4/2020; 20/NQ-HUBND ngày 04/7/2020; 1206/QĐ-UBND ngày 16/6/2020; 1481/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	260.000	260.000	20.000	50.000	
	Chuyển tiếp					330.000	196.631	59.699	106.399	
	Dự kiến hoàn thành năm kế hoạch									
(1)	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Cỗ Phúc	Huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	phần cầu cấp 1 (chiều dài 399,7m), phần đường dẫn (20m)	2019-2021	2305/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1881/QĐ-UBND ngày 25/9/2019; 1480/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	330.000	196.631	59.699	106.399	



Tỉnh Thái Nguyên

Phụ lục

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Sơ lược Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					38.000	25.000			10.000	
	Thái Nguyên					38.000	25.000			10.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					38.000	25.000			10.000	
	Các dự án khác					38.000	25.000			10.000	
	Khởi công mới					38.000	25.000			10.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn					38.000	25.000			10.000	
(1)	Xây dựng khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở bờ sông và ngập úng xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên	thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Di chuyển 55 hộ dân ra khu tái định cư	2018-2020	3341 - 16/10/2019; 3761 - 20/11/2019	38.000	25.000			10.000	



Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14
(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					20.000	20.000			10.000	
	Bắc Kạn					20.000	20.000			10.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					20.000	20.000			10.000	
	Các dự án khác					20.000	20.000			10.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư đúng thời gian quy định					20.000	20.000			10.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
(1)	Khắc phục khẩn cấp vùng sạt lở đất xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm	Xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn	Xây dựng cơ sở hạ tầng bố trí dân cư cho 20 hộ gia đình trở lên, bao gồm các hạng mục sau: - San nền khu dân cư và quy hoạch chia lô; - San gạt, cải tạo diện tích đất canh tác; - Đường giao thông nối vào khu dân cư và đường nội bộ khu dân cư; - Hệ thống thoát nước mặt, nước thải sinh hoạt; - Hệ thống cấp điện sinh hoạt; - Hệ thống cấp nước sinh hoạt; - Hệ thống thủy lợi cấp nước sản xuất; - Xử lý rác thải sinh hoạt.	2020-2021	07/NQ-HĐND ngày 4/5/2020	20.000	20.000			10.000	



Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					81.151	45.000	20.000	28.538	
	Phú Thọ					81.151	45.000	20.000	28.538	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					81.151	45.000	20.000	28.538	
	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao					81.151	45.000	20.000	28.538	
	Khởi công mới					81.151	45.000	20.000	28.538	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn					81.151	45.000	20.000	28.538	
(1)	Đường nối từ tỉnh Vinh Phúc vào trung tâm phường Bạch Hạc (đường vào Cụm công nghiệp Bạch Hạc)	Bạch Hạc	2,015 km	2016-2020	146/QĐ-UBND ngày 18/01/2016; 808/QĐ-UBND, 8/4/2016; 2040/QĐ-UBND ngày 14/8/2019	81.151	45.000	20.000	28.538	



Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1147/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					181.461	179.661	100.700			
	Bắc Giang					181.461	179.661	100.700			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					181.461	179.661	100.700			
	Khởi công mới					181.461	179.661	100.700			
	KCM 2017-2020 hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Tu bổ chống sạt lở đê điều hệ thống đê cấp III trên địa bàn huyện Tân Yên từ K6+000 đến K14+700 đê Hữu sông Thương	Huyện Tân Yên	Hoàn thiện mặt cắt, gia cố tuyến đê hữu sông Thương dài 6,7km; làm đường nổi tuyến đê tại K6+150 với cầu Bền Tuần dài 200m; làm kè lát mái phía sông, thả đá học hộ chân kè dài 1.135m	2020-2022	449/QĐ-UBND ngày 03/6/2020	79.941	79.441	54.900			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
(2)	Cải tạo, nâng cấp công Chuông đê Hữu Thương, huyện Tân Yên	Huyện Tân Yên	Xây mới công Chuông tại vị trí công cũ, phục vụ tiêu thoát nước cho 350ha	2020-2021	448/QĐ-UBND ngày 03/6/2020	5.000	4.700	4.300			
(3)	Cải tạo, nâng cấp công Đại La đê Tả Cầu, huyện Hiệp Hòa	Huyện Hiệp Hòa	Nắn thẳng đê và đắp đê mới sau nắn thẳng dài 250m; xây mới công Đại La tại vị trí cũ; phục vụ tiêu thoát nước cho 2.300ha	2020-2022	446/QĐ-UBND ngày 03/6/2020	46.774	46.274	20.800			
(4)	Cải tạo, nâng cấp công Yên Ninh đê Tả Cầu, huyện Hiệp Hòa	Huyện Hiệp Hòa	Xây mới công Yên Ninh tại vị trí công cũ, phục vụ tiêu thoát nước cho 9.500ha	2020-2022	447/QĐ-UBND ngày 03/6/2020	49.746	49.246	20.700			



Tỉnh Hòa Bình

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					78.767	43.700		43.700	
	Hòa Bình					78.767	43.700		43.700	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					78.767	43.700		43.700	
	Các dự án khác					78.767	43.700		43.700	
	Khởi công mới					78.767	43.700		43.700	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư					31.640	25.700		25.700	
(1)	Dự án lớp học mầm non và tiểu học thuộc chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa huyện Mai Châu	huyện Mai Châu	Xây dựng nhà cấp IV	2020-2022	491/QĐ-UBND ngày 15/3/2019; 2108/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	7.920	6.600		6.600	
(2)	Dự án lớp học mầm non và tiểu học thuộc chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa huyện Tân Lạc (tại xã Gia Mô và xã Phú Cường)	huyện Tân Lạc	Xây dựng nhà cấp IV	2020-2022	490/QĐ-UBND ngày 15/3/2019; 2377/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	11.520	9.600		9.600	
(3)	Dự án nhà lớp học mầm non và tiểu học thuộc chương trình kiên cố hóa trường lớp học cho vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình (tại xã Ngòi Hoa, xã Trung Hòa, xã Ngọc Mỹ)	huyện Tân Lạc	Xây dựng nhà cấp IV	2020-2022	2745/QĐ-UBND ngày 04/12/2019;	12.200	9.500		9.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	KCM 2016-2020 hoàn thành sau giai đoạn					47.127	18.000		18.000	
(1)	Khôi phục, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng địa điểm huấn luyện chính trị và Đại hội trừ bị Đại hội II Đảng Nhân dân Lào tại Hòa Bình	thành phố Hòa Bình	phục dựng, tôn tạo di tích	2019-2023	2412/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	47.127	18.000		18.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
(1)	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	47 xóm của 20 xã	2016-2022	1254/QĐ-UBND ngày 05/6/2020; 256/NQ-HĐND ngày 19/5/2020	70.590	60.000	9.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					29.000	18.000	18.000			
	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở cai nghiện ma túy					29.000	18.000	18.000			
	Khởi công mới					29.000	18.000	18.000			
	KCM 2016-2020 hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội Lạc Sơn (nay là cơ sở cai nghiện ma túy số II)	huyện Lạc Sơn	Công trình dân dụng	2020-2022	2758/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 332/QĐ-UBND ngày 21/02/2020	29.000	18.000	18.000			



Tỉnh Sơn La

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					1.183.262,226	1.183.262,226	157.752,6			
	Sơn La					1.183.262,226	1.183.262,226	157.752,6			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					1.183.262,226	1.183.262,226	157.752,6			
	Đề án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La (giai đoạn II)					1.183.262,226	1.183.262,226	127.752,6			
	KCM 2017-2020 hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Pú Hay 1	huyện Quỳnh Nhai	383 người	2020-2021	194/NQ-HỆND	3.415	3.415	1.024,5			
	Chuẩn bị đầu tư					591.751	591.751	32.794,3			
	KCM 2017-2020 hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Đường từ TL 106 - điểm TĐC Pú Nhuông		10 Km	2020-2023	194/NQ-HỆND	40.270	40.270	3.000			
(2)	Đường từ QL279 - xã Cà Nàng (Đoạn QL279 - xã Mường Chiến)	huyện Quỳnh Nhai	25 Km	2020-2025	194/NQ-HỆND	107.618	107.618	5.000			
(3)	Đường Tạ Bú huyện Mường La - Liệp Tè huyện Thuận Châu	huyện Thuận Châu	36 Km	2020-2025	194/NQ-HỆND	151.754	151.754	6.000			
(4)	Đường giao thông Bó Mười - Liệp Tè, huyện Thuận Châu	huyện Thuận Châu	20 Km	2020-2025	194/NQ-HỆND	84.838	84.838	4.000			
(5)	Đường từ TL107 - Chiềng Ngâm - Chiềng Khoang - Liệp Mười - Mường Sại		22 Km	2020-2025	194/NQ-HỆND	92.197	92.197	6.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
(6)	Đường QL279 (Bán Cút) - Pá Ngà - Púng Luông địa phận huyện Quỳnh Nhai	huyện Quỳnh Nhai	20 Km	2020-2025	194/NQ-HĐND	84.779	84.779	4.000			
(7)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Vó Ngầu 1, 2	huyện Mường La	511 hộ	2020-2021	194/NQ-HĐND	4.556	4.556	1.366,8			
(8)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Tà Vàng	huyện Mai Sơn	272 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.425	2.425	727,5			
(9)	Đường QL43 - TT xã Tà Lại		6 Km	2020-2023	194/NQ-HĐND	23.314	23.314	2.700			
	Khởi công mới					588.096,226	588.096,226	93.933,8			
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư đúng thời gian quy định										
(1)	Đường nội bộ điểm TĐC Nà Ngòi	huyện Mường La	2 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.172	2.172	651,6			
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Đoàn Kết	huyện Mai Sơn	571 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.091	5.091	1.527,3			
(2)	Đường vào điểm TĐC xen ghép bản Chón xã Mường Bú	huyện Mường La	3 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.087	5.087	1.000			
	KCM 2017-2020 hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Cấp nước sinh hoạt bản Hôm, xã Chiềng Cọ	Thành phố, Sơn La	262 người	2020-2021	Nghị quyết 194/NQ-HĐND	2.336,3	2.336,3	700,89			
(2)	Đường giao thông nội bộ điểm TĐC Phẳng Cướm	huyện Thuận Châu	370 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	3.076	3.076	922,8			
(3)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Phiêng Chanh - Nong Bông, xã Tông Lạnh	huyện Thuận Châu	600 hộ	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.350	5.350	1.605			
(4)	Kè suối Nặm La, thành phố Sơn La	Thành phố Sơn La	01 CT	2020-2021	Nghị quyết 194/NQ-HĐND ngày 18/4/2020	157.000	157.000	3.000			
(5)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC bản Noong Lạnh	Thành phố Sơn La	245 người	2020-2021	NQ 194/NQ-HĐND	2.184,4	2.184,4	655,32			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
(6)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC bản Tam	Thành phố Sơn La	141 người	2020-2021	NQ 194/NQ-HĐND	1.257,3	1.257,3	377,19			
(7)	Đường giao thông vào điểm TĐC bản Tam	Thành phố Sơn La	3 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	4.347,5	4.347,5	1.304,26			
(8)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư bản Noong Đức, bản Lay, bản Noong Đức	thành phố Sơn La	363 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	3.236,47	3.236,47	970,94			
(9)	Đường GT nội bộ Điểm TĐC bản Lay	thành phố Sơn La	3,1Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	3.306,256	3.306,256	991,8			
(10)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Pú Hay 3	huyện Quỳnh Nhai	291 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.595	2.595	778,5			
(11)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Pú Ô	huyện Quỳnh Nhai	514 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	4.583	4.583	1.374,9			
(12)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC bản Xe	huyện Quỳnh Nhai	273	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.434	2.434	730,2			
(13)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC bản Bung	huyện Quỳnh Nhai	260 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.318	2.318	695,4			
(14)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC bản Lóng	huyện Quỳnh Nhai	392 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	3.495	3.495	1.048,5			
(15)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Thẩm Căng 1+2	Huyện Quỳnh Nhai	610 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.439	5.439	1.631,7			
(16)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Huổi Co Ngôm 1+2	huyện Quỳnh Nhai	576 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.136	5.136	1.540,8			
(17)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC bản Khoang 1	huyện Quỳnh Nhai	359 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	3.201	3.201	960,3			
(18)	Kênh Suối Muội điểm TĐC Nà Cưa	huyện Thuận Châu	3 ha	2020-2021	194/NQ-HĐND	1.878	1.878	563,4			
(19)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Tền Pá Hu, xã Liệp Tề	huyện Thuận Châu	283 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.523	2.523	756,9			
(20)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Pá Sang, xã Liệp Tề	huyện Thuận Châu	187 hộ	2020-2021	194/NQ-HĐND	1.667	1.667	500,1			
(21)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Kéo Co Muông và Huổi Lông Tền Kim, xã Liệp Tề	huyện Thuận Châu	375 hộ	2020-2021	194/NQ-HĐND	3.343	3.343	1.002,9			
(22)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Huổi Pán	huyện Thuận Châu	348 hộ	2020-2021	194/NQ-HĐND	3.103	3.103	930,9			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
(23)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Bó Phúc (và Phẳng Cướm)	huyện Thuận Châu	362 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	3.228	3.228	968,4			
(24)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Huổi Lù	huyện Mường La	163 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	1.453	1.453	435,9			
(25)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Huổi sản	huyện Mường La	112 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	999	999	299,7			
(26)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Nong Búđi	huyện Mường La	122 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	1.088	1.088	326,4			
(27)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Hua Nà	huyện Mường La	232 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.068	2.068	620,4			
(28)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Huổi Co Có	huyện Mường La	309 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.755	2.755	826,5			
(29)	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Hua Trai	huyện Mường La	169 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	1.507	1.507	452,1			
(30)	Cấp nước sinh hoạt Huổi Pục điểm tái định cư Nà Liêng	huyện Mường La	428 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	3.816	3.816	1.144,8			
(31)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Huổi Păng	huyện Mường La	234 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.000	5.000	1.500			
(32)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Huổi Lụ	huyện Mường La	96 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.000	2.000	600			
(33)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Ten Nam	huyện Mường La	79 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	1.000	1.000	300			
(34)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Huổi Chà	huyện Mường La	219 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.000	2.000	600			
(35)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Tra Sa Cấn, Co Trai, Noong Lay	huyện Mai Sơn	576 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.136	5.136	1.540,8			
(36)	Hồ bán Săng, cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Tản Pầu và điểm Đoàn Kết xã Mường Bon	huyện Mai Sơn	406 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	3.620	3.620	1.086			
(37)	Đường đến điểm TĐC Bó Lý	huyện Mai Sơn	2,1 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	3.561	3.561	1.068,3			
(38)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Nà Lắng	huyện Yên Châu	324 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.889	2.889	866,7			
(39)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Pha Máy	huyện Mai Sơn	233 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.077	2.077	623,1			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
(40)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Cha Lo	huyện Mai Sơn	189 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	1.685	1.685	505,5			
(41)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Hóc Thông	huyện Mai Sơn	232 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.068	2.068	620,4			
(42)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Trại Dê	huyện Mai Sơn	335 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.987	2.987	896,1			
(43)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Khau Cang	huyện Mai Sơn	155 hộ	2020-2021	194/NQ-HĐND	1.382	1.382	414,6			
(44)	Đường liên xã Mường Lựm-Yên Châu qua suối đi Tân Lập-Mộc Châu	huyện Mai Sơn	20 km	2020-2021	194/NQ-HĐND	61.000	61.000	3.000			
(45)	Cấp nước sinh hoạt Khu tái định cư Khu tái định cư Tân Lập	huyện Mộc Châu	4859 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	18.171	18.171	5.451,3			
(46)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư bản Khún, bản Lúa	huyện Mộc Châu	1135 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	10.120	10.120	3.036			
(47)	Cấp nước sinh hoạt bổ sung cho tái định cư + dân sở tại điểm Phiêng Pên	huyện Mộc Châu	520 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	4.636	4.636	1.390,8			
(48)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư C1	huyện Mộc Châu	248 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.211	2.211	663,3			
(49)	Đường giao thông từ điểm TĐC Pá Cỏ - Phiêng Khoang, bản Hôm xã Chiềng Cọ	Thành phố	4 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.710	5.710	1.100			
(50)	Đường giao thông từ đập thủy điện đến điểm TĐC Pá Hát	huyện Mường La	5 Km		194/NQ-HĐND	9.156	9.156	1.800			
(51)	Cấp nước sinh hoạt xã Pi Toong	huyện Mường La	1830 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	16.316	16.316	2.000			
(52)	Đường nội bộ + rãnh nước điểm TĐC Huổi Chòi	huyện Mường La	3 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	6.560	6.560	1.300			
(53)	Đường giao thông đến điểm TĐC Ten Che 1+2	Huyện Quỳnh Nhai	9 KM	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.217	5.217	1.000			
(54)	Đường từ điểm TĐC Phẳng Cướm đến Huổi Pán	huyện Thuận Châu	6 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	8.466	8.466	1.700			
(55)	Đường vào điểm TĐC Phẳng Cướm	Huyện Thuận Châu	6 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	9.275	9.275	1.900			
(56)	Đường từ Mường Khiêng đến điểm TĐC Huổi Phay	Huyện Thuận Châu	7 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	10.333	10.333	2.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
(57)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư bản Giàng 1+2+3	Huyện Quỳnh Nhai	939 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	8.372	8.372	1.700			
(58)	Đường Tiên Xa - Điểm TĐC Co Trai	huyện Mai Sơn	4 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	6.943	6.943	1.400			
(59)	Đường giao thông từ Quốc lộ 4G đến điểm TĐC C5	huyện Mai Sơn	3 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	9.275	9.275	1.800			
(60)	Đường GT từ TT xã Chiềng Sơn - điểm TĐC Co Phương	huyện Mộc Châu	7 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	28.401	28.401	4.379			
(61)	Đường TL107 - điểm TĐC Pú Ổ	huyện Mường La	4 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.934	5.934	1.200			
(62)	Đường đến điểm TĐC Huổi Liu	huyện Mường La	4 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	7.627	7.627	1.500			
(63)	Đường từ TT Mường khiêng đến điểm TĐC Huổi Phay	huyện Quỳnh Nhai	4Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.824	5.824	1.200			
(64)	Đường giao thông vào điểm TĐC Púng Luông	huyện Mai Sơn	3 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.087	5.087	1.000			
(65)	Đường QL6 đi Hua Tát - nối tuyến đường vào điểm TĐC Noong Luông 1	huyện Mai Sơn	4 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	6.647	6.647	1.600			
(66)	Đường giao thông từ TT xã Mường Trai đến điểm TĐC Khâu Ban, điểm TĐC Huổi Co C6	huyện Mường La	9 KM	2020-2021	194/NQ-HĐND	15.099	15.099	3.200			
(67)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Đán Đăm	Huyện Quỳnh Nhai	826 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	7.365	7.365	1.500			
(68)	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Búa Bon 1+2+3	huyện Quỳnh Nhai	657 người	2020-2021	194/NQ-HĐND	5.858	5.858	1.200			
(69)	Đường nối đến điểm TĐC Đoàn Kết (đoạn: Đường Chiềng Ngần - Hát Lót - Điểm TĐC Đoàn Kết; Đường Nà Sản - Mường Bon- UBND xã Mường Bon; Đường giao thông từ trung tâm xã Mường Bon đến điểm TĐC Đoàn Kết)	huyện Mai Sơn	5 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	7.969	7.969	1.300			
(70)	Đường giao thông khu TĐC Tân Lập (đường nội đồng gồm cả điểm TĐC bản Ôn TTNT Mộc Châu)	huyện Mộc Châu	14 Km	2020-2021	194/NQ-HĐND	9.059	9.059	1.800			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
(71)	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Ít Khiết, xã Liệp Tè	huyện Thuận Châu	335 hộ	2020-2021	194/NQ-HĐND	2.987	2.987	896,1			
	Nguồn dự phòng NSTW được giao bổ sung trong năm							30.000			
	Chuẩn bị đầu tư							30.000			
	KCM 2017-2020 hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Dự án đầu tư xây dựng phát triển Khu Du lịch quốc gia Mộc Châu	Huyện Mộc Châu	Đường giao thông và đường liên khu các khu trung tâm du lịch sinh thái và các hạng mục phụ trợ	2020-2025				10.000			
(2)	Dự án Cải tạo, nâng cấp và xây mới đoạn QL.37 (xã Huy Hạ) - Tường Phong - Nam Phong	huyện Phù Yên	77,6 Km	2020-2025				10.000			
(3)	Nâng cấp Đường giao thông nối QL.37 (huyện Bắc Yên) với QL.279D (huyện Mường La), tỉnh Sơn La	huyện Bắc Yên, Mường La	81,2 Km	2020-2025				10.000			



Tỉnh Sơn La

Phụ lục II

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					22.000	20.000			20.000	
	Sơn La					22.000	20.000			20.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					22.000	20.000			20.000	
	Nguồn dự phòng NSTW được giao bổ sung trong năm					22.000	20.000			20.000	
	Khởi công mới					22.000	20.000			20.000	
	KCM 2017-2020 hoàn thành sau giai đoạn					22.000	20.000			20.000	
(1)	Dự án khắc phục thiệt hại mưa lũ đường giao thông đến trung tâm xã và bảo vệ khu dân cư của 14 xã Bắc Phong và Đá Đỏ huyện Phù Yên	huyện Phù Yên	Sửa chữa khắc phục giao thông	2020-2021	181/NQ-HĐND	22.000	20.000			20.000	



Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020
TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN**

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					840.000	840.000	42.000			
	Lai Châu					840.000	840.000	42.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					840.000	840.000	42.000			
	Khởi công mới					840.000	840.000	42.000			
	KCM 2017-2020 hoàn thành sau giai đoạn					840.000	840.000	42.000			
(1)	Đường hành lang biên giới Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) - Bát Xát (tỉnh Lào Cai)	Phong Thổ	17 km	2020-2022	số 03/NQ-HĐND ngày 08/6/2020 của HĐND	300.000	300.000	15.000			
(2)	Kè chống xói lở bờ sông Đà, bảo vệ mặt bằng khu giáo dục, y tế và dân cư thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	TP Lai Châu; Tam Đường; Phong Thổ	1200m	2020-2022	số 03/NQ-HĐND ngày 08/6/2020 của HĐND	90.000	90.000	7.000			
(3)	Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng - Thèn Sìn - Mường So)	Nậm Nhùn	29km	2020-2021	số 03/NQ-HĐND ngày 08/6/2020 của HĐND	450.000	450.000	20.000			



Phụ lục I

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					150.000	150.000			80.000	
	Lai Châu					150.000	150.000			80.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					150.000	150.000			80.000	
	Các dự án khác					150.000	150.000			80.000	
	Khởi công mới					150.000	150.000			80.000	
	KCM 2017-2020 hoàn thành sau giai đoạn					150.000	150.000			80.000	
(1)	Sắp xếp ổn định dân cư 2 xã Tà Tổng và Mù Cà, huyện Mường Tè	Mường Tè	95 hộ	2020-2023	03/NQ-HĐND ngày 08/06/2020	80.000	80.000			30.000	
(2)	Bố trí dân cư tập trung ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao điểm bản Hua Cuối, xã Nậm Cuối, huyện Sìn Hồ	Sìn Hồ	113 hộ	2020-2022	03/NQ-HĐND ngày 08/06/2020	70.000	70.000			50.000	



Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					2.611.745	2.592.425	47.970			
	Điện Biên					2.611.745	2.592.425	47.970			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					2.611.745	2.592.425	47.970			
(1)	Điều chỉnh bổ sung Đề án sắp xếp ổn định dân cư, phát triển KT- XH bảo đảm QPAN huyện Mường Nhé, Điện Biên giai đoạn 2016-2020 (Đề án 79)	huyện Mường Nhé; huyện Nậm Pồ	Bố trí, sắp xếp, ổn định đời sống cho 12.205 hộ với 68.318 nhân khẩu, thuộc 171 bản và 14 nhóm dân cư hiện có, đến hết năm 2020 toàn vùng Đề án có 13.434 hộ với trên 7,4 vạn người thuộc 219 bản được định canh, định cư	2016-2020	79/QĐ-TTg ngày 12/01/2012 của Thủ tướng Chính; 38/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của UBND tỉnh Điện Biên	2.611.745	2.592.425	47.970			
	Chuẩn bị đầu tư					60.950	60.950	1.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
-	Đường GT Mường Toong - Nậm Xá	huyện Mường Nhé	Tổng chiều dài tuyến L = 11,35 Km	2020-2022		60.950	60.950	1.000			
	Khởi công mới					37.500	37.500	22.679			
-	Đường vào bản Huổi Thanh 2, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé	huyện Mường Nhé	Tổng chiều dài tuyến 1,970 Km	2020-2022	551/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	9.000	9.000	9.000			
-	Đường GT từ bản Ngã Ba, xã Mường Toong - TT xã Nậm Vù, huyện Mường Nhé	huyện Mường Nhé	Tổng chiều dài tuyến đường 3,9 Km	2020-2022	552/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	28.500	28.500	13.679			
	Dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước năm kế hoạch					73.899	73.899	24.291			
-	Nước sinh hoạt bản Huổi Hốc, xã Nậm Kè và bản Nậm Chà Nội 2, xã Quảng Lâm, huyện Mường Nhé	huyện Mường Nhé	Cung cấp nước sinh hoạt cho 825 nhân khẩu + 321 học sinh	2015-2016	1578/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; 550/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	5.095	5.095	2.695			
-	Thủy lợi Nà Khuyết (Phiêng Chuông, Phiêng Ban), xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ	huyện Nậm Pồ	Cung cấp nước tưới cho 16 ha lúa một vụ	2015-2016	1034/QĐ-UBND ngày 21/10/2015; 550/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	5.000	5.000	1.000			
-	Thủy lợi bản Huổi Thanh 1, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	Cung cấp đủ nước tưới cho 59 ha lúa 1 vụ và màu 2 vụ	2015-2016	1304/QĐ-UBND ngày 26/11/2015; 550/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	26.000	26.000	9.695			
-	Nước sinh hoạt bản Mường Toong 4, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	huyện Mường Nhé	Cung cấp nước sinh hoạt cho 33 hộ, 209 nhân khẩu	2015-2016	1564/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; 550/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	1.364	1.364	464			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
-	Thủy lợi Nậm Chà Nội, xã Quảng Lâm, huyện Mường Nhé	huyện Mường Nhé	Cung cấp nước tưới cho 25,75 ha ruộng	2015-2016	1563/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; 550/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	10.290	10.290	4.290			
-	Đường vào bản Mường Toong 4, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	huyện Mường Nhé	Chiều dài tuyến L = 967m	2015-2015	1095/QĐ-UBND ngày 31/12/2014; 550/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	1.780	1.780	227			
-	Thủy lợi bản chuyên Gia 3 (Huổi Đá); xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé	huyện Mường Nhé	Đảm bảo nước tưới cho 33 ha lúa vụ mùa 9 ha lúa vụ chiêm	2015-2016	1283/QĐ-UBND ngày 20/11/2015; 550/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	6.120	6.120	1.220			
-	Đường vào bản Huổi Lụ 3 xã Nà Khoa, huyện Mường Nhé	huyện Mường Nhé	Chiều dài tuyến L = 5,56 Km	2013-2016	785/QĐ-UBND 04/10/2013; 1538/QĐ-UBND 29/12/2015; 550/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	10.000	10.000	4.000			
-	Đường từ bản Nậm Pan 1 đến bản Nậm Hạ xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	huyện Mường Nhé	Chiều dài tuyến L = 3,99km	2013-2017	705/QĐ-UBND 11/9/2013; 754/QĐ-UBND ngày 06/6/2016; 550/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	8.250	8.250	700			



Tỉnh Điện Biên

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 4445/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					39.990	39.928			5.000	
	Điện Biên					39.990	39.928			5.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					39.990	39.928			5.000	
	Các dự án khác					39.990	39.928			5.000	
(1)	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai bản Tin tốc, xã Mường Lói	Huyện Điện Biên	Hỗ trợ di chuyển, sắp xếp bố trí ổn định cuộc sống cho 29 hộ dân trong bản Tin Tốc II; Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho 78 hộ; Hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng 17,5ha; Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (công trình giao thông, thủy lợi, hệ thống điện)	2019-2021	933/QĐ-UBND ngày 29/9/2019; 443/QĐ-UBND ngày 15/5/2020	39.990	39.928			5.000	

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRONG NỘI BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					973.081	396.000			77.000	
	Thành phố Hải Phòng					973.081	396.000			77.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					973.081	396.000			77.000	
	Các dự án khác					973.081	396.000			77.000	
	Khởi công mới					973.081	396.000			77.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư					973.081	396.000			77.000	
(1)	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng từ ĐT.353 đến cầu Thái Bình (Km0-Km19+645)	quận Đồ Sơn; huyện Kiến Thụy, huyện Tiên Lãng	Chiều dài tuyến khoảng 19,645km, mặt cắt ngang sau khi mở rộng B=24,75m.	2019-2022	Số 05/NQ-HĐND ngày 28/02/2020	973.081	396.000			77.000	UBND thành phố Hải Phòng phải thực hiện các nội dung theo cam kết tại văn bản số 3846/UBND-XD ngày 12/6/2020



Tỉnh Hải Dương

Phụ lục I

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					1.733.685,95 2	1.456.203,952	124.799,095			
	Hải Dương					1.733.685,95 2	1.456.203,952	124.799,095			
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					1.045.686	998.204	87.800			
	Chuyển tiếp					1.045.686	998.204	87.800			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn										
(1)	Xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và đường 390	Thành phố Hải Dương, huyện Thanh Hà	Xây dựng cầu vượt qua Quốc lộ 5 và đường dẫn với tuyến chính dài 7.348,35 m, đường gom dài 265 m	2012-2020	3317, 06/12/2011; 2553, 01/11/2013; 1280, 18/5/2016; 1517, 12/6/2020	1.045.686	998.204	87.800			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					687.999,952	457.999,952	36.999,095			
	Chuẩn bị đầu tư					240.000	240.000	4.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
(1)	Xử lý cấp bách các công trình đê điều tỉnh Hải Dương	tỉnh Hải Dương	Bao gồm 11 hạng mục: xử lý cấp bách 02 tuyến đê và 09 công dưới đê.	2021-2025		90.000	90.000	2.000			Dự án chuẩn bị đầu tư
(2)	Xây dựng đường gom đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, huyện Kim Thành	Huyện Kim Thành	Bao gồm 05 đoạn: Km70+900-Km71+340; Km72+155-Km72+695; Km74+800-Km75+825; Km76+120-Km77+360; Km80+250-Km81+943.	2021-2025		150.000	150.000	2.000			Dự án chuẩn bị đầu tư
Khởi công mới						447.999,952	217.999,952	32.999,095			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú	
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW			
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước		
(1)	Đầu tư xây dựng cầu vượt tại nút giao giữa đường dẫn Cầu Hàn, đường Ngô Quyền và Quốc lộ 5, thành phố Hải Dương	Thành phố Hải Dương	Xây dựng 01 cầu vượt trên Quốc lộ 5, mở thêm các đoạn tách, nhập làn trên Quốc lộ 5 để các phương tiện rẽ các hướng hoặc đường gom 2 bên, tổ chức lại giao thông mặt bằng dưới cầu có kết hợp đèn tín hiệu giao thông	2019-2021	13/2019/NQ-HĐND; 30/10/2019	430.000	200.000	15.000				
Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau												
(1)	Sửa chữa, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương	Chí Linh	Cải tạo, sửa chữa các đội quản lý giáo dục học viên; cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước; cải tạo sân bóng đá; cung cấp, lắp đặt trang thiết bị thiết yếu của cơ sở	2020-2021	01/NQ-HĐND; 16/4/2020	17.999,952	17.999,952	17.999,095				Theo QĐ số 1706/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch NSNN năm 2020, dự án được giao kế hoạch 2020 là 18 tỷ đồng. Tuy nhiên, tính chỉ có nhu cầu phân bổ 17,999 tỷ đồng.



Tỉnh Hải Dương

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Ban theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					29.398,546	15.000			15.000	
	Hải Dương					29.398,546	15.000			15.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					29.398,546	15.000			15.000	
	Các dự án khác					29.398,546	15.000			15.000	
	Khởi công mới					29.398,546	15.000			15.000	
(1)	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư vùng sạt lở xã Nhân Huệ, thành phố Chí Linh (giai đoạn 1)	Thành phố Chí Linh	Để phục vụ di dời, tái định cư cho 57 hộ dân trong vùng có nguy cơ cao, thường xuyên bị ngập lụt thuộc xóm Độc Lập, thôn Chí Linh, đảm bảo an toàn về người và tài sản, ổn định đời sống	2020-2021	69/NQ-HĐND ngày 13/6/2020	29.398,546	15.000			15.000	



Tỉnh Hưng Yên

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					77.000	20.000	20.000			
	Hưng Yên					77.000	20.000	20.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					77.000	20.000	20.000			
	Khởi công mới					77.000	20.000	20.000			
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư										
(1)	Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ phòng chống lụt bão huyện Kim Động	Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	Tổng chiều dài tuyến L=9.000m	2020-2024	273/NQ-HĐND ngày 07/5/2020	77.000	20.000	20.000			



Tỉnh Hưng Yên

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14
(Kèm theo Quyết định số 1147/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					30.000	30.000			30.000	
	Hưng Yên					30.000	30.000			30.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					30.000	30.000			30.000	
	Các dự án khác					30.000	30.000			30.000	
	Khởi công mới					30.000	30.000			30.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau					30.000	30.000			30.000	
(1)	Xử lý cấp bách sự cố kè Phú Hùng Cường, đê tả sông Hồng, thành phố Hưng Yên	Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Xử lý cấp bách sự cố kè Phú Hùng Cường, đê tả sông Hồng, thành phố Hưng Yên đoạn tương ứng từ Km118+360 đến Km118+860, tổng chiều dài khoảng L = 500 m.	2020-2020	274/NQ-HĐND ngày 07/5/2020	30.000	30.000			30.000	



Tỉnh Bắc Ninh

Phụ lục

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Bám theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					1.926.969	200.000	120.000			
	Bắc Ninh					1.926.969	200.000	120.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					1.926.969	200.000	120.000			
	Chuyển tiếp					1.926.969	200.000	120.000			
(1)	Đầu tư xây dựng Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Tiên Du, Thuận Thành	Xây dựng cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, Chiều dài tuyến L = 1.518,03m	2017-2021	691/QĐ - UBND ngày 30/5/2017; 659/QĐ - UBND, ngày 10/6/2020	1.926.969	200.000	120.000			



Tỉnh Hà Nam

Phụ lục

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					2.208.554,5	400.000	40.000			
	Hà Nam					2.208.554,5	400.000	40.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					2.208.554,5	400.000	40.000			
	Chuyển tiếp					2.208.554,5	400.000	40.000			
(1)	Đầu tư xây dựng đường giao thông đến trung tâm các xã huyện Lý Nhân	Huyện Lý Nhân	đường giao thông đến trung tâm xã Bắc Lý L=3,025km, xã Nhân Mỹ, xã Phú Phúc; xã Nhân Bình, xã Nhân Thịnh....	2009-2020	1288/QĐ-UBND ngày 13/12/2006, 1734/QĐ-UBND ngày 203/10/2017 ; 1088/QĐ-UBND ngày 8/6/2020	682.642	120.000	10.000			
(2)	Đầu tư xây dựng đường giao thông đến trung tâm các xã huyện Bình Lục	Huyện Bình Lục	đường giao thông tuyến trục xã Đinh Xá, Hưng Công, Đồng Du, La Sơn, Bình Mỹ, An Lão...	2009-2021	1259/QĐ-UBND ngày 7/12/2006; 2151/QĐ-UBND ngày 16/10/2019; 1125/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	431.733,8	60.000	10.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
(3)	Đầu tư xây dựng đường giao thông đến trung tâm các xã huyện Thanh Liêm	Huyện Thanh Liêm	đường giao thông đến trung tâm xã Thanh Tâm L=9,089km; xã Thanh Hải L=1,476km; xã Thanh Bình L=3,31km, xã Liêm Sơn L=3,407km; xã Thanh Phong L=4,589km. ..	2011-2020	1303/QĐ-UBND ngày 14/12/2006; 338/QĐ-UBND ngày 20/2/2019; 1126/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	621.140,4	120.000	10.000			
(4)	Dự án cải tạo, nâng cấp kiên cố hóa hệ thống tưới tiêu tỉnh Hà Nam, khu vực huyện Lý Nhân	Huyện Lý Nhân	Cải tạo, nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống tưới tiêu các huyện Lý Nhân, Duy Tiên, Bình Lục, Thanh Liêm, Kim Bảng, Phủ Lý: 13 trạm bơm và hệ thống kênh dẫn, kiên cố hóa kết hợp giao thông nông thôn 23 kênh	2011-2023	1237/QĐ-UBND ngày 17/10/2011; 1145/QĐ-UBND ngày 16/6/2020	473.038,3	100.000	10.000			



Tỉnh Nam Định

Phụ lục

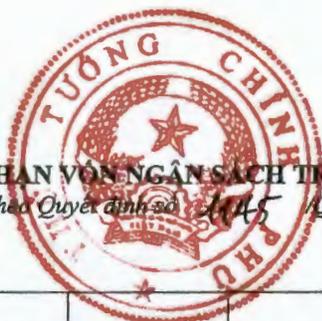
BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					1.928.372	879.435	181.500			
	Nam Định					1.928.372	879.435	181.500			
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					792.027	406.902	40.000			
	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng					792.027	406.902	40.000			
	Chuyển tiếp					792.027	406.902	40.000			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn										
(1)	Tỉnh lộ 488 đoạn từ đường 488C (50a cũ) đến TT Thịnh Long	Hải Hậu	10,3km	2014-2018	218, 24/10/14; 927, 26/5/14; 1649, 22/9/14; 1868a, 20/10/14; 1221, 29/6/15	792.027	406.902	40.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					1.136.345	472.533	141.500			
	Nguồn dự phòng NSTW được giao bổ sung trong năm					140.000	121.000	30.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
(1)	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục quản thể lưu niệm cổ Tổng Bí thư Trường Chinh tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Xuân Trường	Trung tu khu di tích 2.290,1m ² ; Khu tượng đài 3,19ha; khu tượng niệm 0,75ha.	2018-2020	1787 (22/8/2018) 1328 (05/6/2020)	140.000	121.000	30.000			
	Chuyển tiếp					996.345	351.533	111.500			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm kế hoạch										
(1)	Nâng cấp hệ thống công trình phòng, chống lụt bão đê hữu sông Hồng và tả sông Đào, thành phố Nam Định	Thành phố Nam Định	9300 m	2011-2024	1644 (27/9/11), 1347 (09/6/20), 1393 (15/6/20)	996.345	351.533	111.500			



Tỉnh Nam Định

Phụ lục II

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					150.798,9	111.730	9.589	9.589	40.000	
	Nam Định					150.798,9	111.730	9.589	9.589	40.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					150.798,9	111.730	9.589	9.589	40.000	
	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					150.798,9	111.730	9.589	9.589	40.000	
	Chuyển tiếp					150.798,9	111.730	9.589	9.589	40.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn					150.798,9	111.730	9.589	9.589	40.000	
(1)	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê hữu Đào, huyện Vụ Bản	Vụ Bản	12793m	2011-2022	2393 (11/11/10); 1765 (19/10/11) 2433 (19/12/14) 230 (03/2/20) 1296 (29/5/20) 1348 (09/6/20)	150.798,9	111.730	9.589	9.589	40.000	



Tỉnh Ninh Bình

Phụ lục I

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					3.806.000	3.656.200	127.031			
	Ninh Bình					3.806.000	3.656.200	127.031			
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					3.806.000	3.656.200	127.031			
	Giao thông					3.806.000	3.656.200	127.031			
	Chuyển tiếp					3.806.000	3.656.200	127.031			
(1)	Nâng cấp đê hữu sông Hoàng Long và sông Đáy kết hợp giao thông, đoạn từ Bái Đính đi Kim Sơn	GV, NB, YK, KS	Tổng chiều dài toàn tuyến 45,48 km	2009-2015	41/QĐ-UB 14/01/2009; 214/QĐ-UB 28/3/2011	3.806.000	3.656.200	127.031			



Tỉnh Ninh Bình

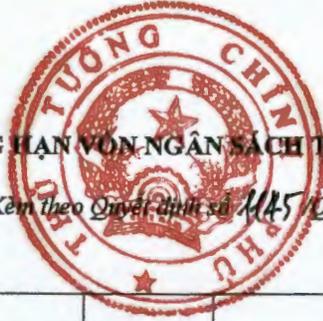
Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					172.000	97.500			37.500	
	Ninh Bình					172.000	97.500			37.500	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					172.000	97.500			37.500	
	Các dự án khác					172.000	97.500			37.500	
	Khởi công mới					172.000	97.500			37.500	
(1)	Xử lý cấp bách tuyến đê Đầm Cút, huyện Gia Viễn (Giai đoạn 2)	Huyện Gia Viễn	Nâng cấp đê Đầm Cút với chiều dài khoảng 5km	2020-2021	Số 19/NQ-HĐND ngày 27/5/2020	90.000	67.500			22.500	
(2)	Khắc phục thiệt hại do mưa lũ, bảo vệ khu dân cư các huyện Gia Viễn, Nho Quan; hạng mục cải tạo, tu bổ cấp bách đê bao Hoa Tiên và các tuyến kênh, trạm bơm nằm trong đê bao Hoa Tiên, huyện Gia Viễn	Huyện Gia Viễn, Huyện Nho Quan	Cải tạo tuyến đê bao chiều dài khoảng 3.970m; cải tạo các tuyến kênh, trạm bơm trong đê bao	2020-2023	Số 18/NQ-HĐND ngày 27/5/2020	82.000	30.000			15.000	



Tỉnh Thái Bình

Phụ lục

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					1.394.846,9	248.031	162.845			
	Thái Bình					1.394.846,9	248.031	162.845			
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					586.607,6	101.031	35.845			
	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng					586.607,6	101.031	35.845			
	Khởi công mới					586.607,6	101.031	35.845			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau										
(1)	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Thành phố Thái Bình qua cầu Tịnh Xuyên đến huyện Hưng Hà	Thành phố Thái Bình, huyện Vũ Thư, huyện Hưng Hà	Chiều dài 21,7km theo quy mô đường cấp IV đồng bằng	2019-2023	3096, 28/10/2016; 1614, 04/7/2018; 2195, 12/8/2019; 2690, 26/9/2019; 11/NQ-HĐND, 24/2/2020; 1674; 15/6/2020	586.607,6	101.031	35.845			Số vốn bổ sung cho dự án trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 chỉ được thanh toán cho giai đoạn 1, đoạn từ TP. Thái Bình đến đường tỉnh 453
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					808.239,3	147.000	127.000			
	Nguồn dự phòng NSTW được giao bổ sung trong năm					734.295,3	82.000	82.000			
	Chuyển tiếp					734.295,3	82.000	82.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau										
(1)	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường tránh trú bão, cứu hộ, cứu nạn, phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh quốc phòng ven biển phía Nam tỉnh Thái Bình (dự án cải tạo, nâng cấp đường 221A)	huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	công trình giao thông cấp II, chiều dài khoảng 17,805 km		2624/QĐ-UBND ngày 15/10/2018; 1675/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	734.295,3	82.000	82.000			
	Khởi công mới					73.944	65.000	45.000			
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Xử lý cấp bách công Bông He tại K5+500 đê cửa sông Hồng huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình	xã Nam Hồng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xây công mới thay thế công cũ	2020-2021	14/NQ-HĐND ngày 26/5/2020	23.953	20.000	15.000			
(2)	Xử lý cấp bách công Tám Cửa tại K21+540 đê biển 6 huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xây công mới thay thế công cũ	2020-2021	15/NQ-HĐND ngày 26/5/2020	49.991	45.000	30.000			

Phụ lục I

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-ĐT ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					6.577.373	1.100.000	610.000			
	Thanh Hóa					6.577.373	1.100.000	610.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					6.577.373	1.100.000	610.000			
(1)	Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT).	Tỉnh Gia, Triệu Sơn, Thọ Xuân		2014-2017	2118/QĐ-UBND ngày 07/7/2014; 63/NQ-HĐND ngày 12/7/2017	4.335.373		500.000			UBND tỉnh Thanh Hóa chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán, báo cáo kiểm toán đối với số vốn dự kiến thanh toán nợ (bao gồm nợ hợp đồng BT, thanh toán khối lượng hoàn thành nhưng chưa có nguồn để thanh toán) đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư để làm cơ sở thanh toán cho Dự án
	Khởi công mới					2.242.000	1.100.000	110.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT,	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn từ Nga Sơn - Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Nga Sơn, Hoằng Hóa	Đầu tư tuyến đường dài khoảng 26 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng tối thiểu 02 làn xe theo tiêu chuẩn TCVN 4054-05.	2020-2024	248/NQ-HĐND ngày 15/6/2020	2.242.000	1.100.000	110.000			bổ sung trung hạn bằng KH 2020



Tỉnh Thanh Hóa

Phụ lục II

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					50.000	20.000			20.000	
	Thanh Hóa					50.000	20.000			20.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					50.000	20.000			20.000	
	Các dự án khác					50.000	20.000			20.000	
	Khởi công mới					50.000	20.000			20.000	
	KCM 2017-2020 hoàn thành sau giai đoạn					50.000	20.000			20.000	
(1)	Sắp xếp dân cư vùng ảnh hưởng thiên tai tại huyện Lang Chánh	Lang Chánh	đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu để bố trí ổn định đời sống của 62 hộ dân tại xã Tam Văn huyện Lang Chánh	2020-2022	31/TTr-UBND ngày 27/4/2020, 249/NQ-HĐND ngày 15/6/2020	50.000	20.000			20.000	



Tỉnh Nghệ An

Phụ lục

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					293.000	34.000	34.000			
	Nghệ An					293.000	34.000	34.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					293.000	34.000	34.000			
	Giao thông					293.000	34.000	34.000			
	Khởi công mới					293.000	34.000	34.000			
	KCM 2016-2020 hoàn thành sau giai đoạn					293.000	34.000	34.000			
(1)	Cầu Thanh Nam qua sông Lam, huyện Con Cuông	Huyện Con Cuông	Cầu BTCT có B=9m, dài 415m, đường hai đầu cầu 1,78 KM	2020-2024	13/NQ-HĐND ngày 14/5/2020	168.000	15.000	15.000			
(2)	Xây dựng cầu Diễn Kim, huyện Diên Châu	Xã Diễn Kim và xã Diễn Bích, huyện Diên Châu	Cầu BTCT, chiều rộng B = 9m, chiều dài cầu bằng 285m. Đường hai đầu cầu khoảng 600m	2020-2024	12/NQ-HĐND ngày 14/5/2020	125.000	19.000	19.000			

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					110.000	110.000	25.000			
	Quảng Trị					110.000	110.000	25.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					110.000	110.000	25.000			
	Khởi công mới					110.000	110.000	25.000			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau										
(1)	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị	huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	23,87 ha (02 khu Tái định cư)	2020-2024	32/NQ-HĐND ngày 09/6/2020	110.000	110.000	25.000			



Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14
 (Kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					56.193	53.000	20.000	20.000	10.000	
	Quảng Trị					56.193	53.000	20.000	20.000	10.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					56.193	53.000	20.000	20.000	10.000	
	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					56.193	53.000	20.000	20.000	10.000	
	Chuyển tiếp					56.193	53.000	20.000	20.000	10.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn					56.193	53.000	20.000	20.000	10.000	
(1)	Dự án đầu tư xây dựng khu TĐC di dân khẩn cấp, ổn định dân cư, định cư ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét và sạt lở Tà Rụt, huyện Đakrông (giai đoạn 1)	Xã Tà Rụt, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị	101 hộ dân	2017-2020	2364/QĐ-UBND ngày 29/10/2014; 2312/QĐ-UBND ngày 24/8/2017; 987/QĐ-UBND ngày 15/4/2020	56.193	53.000	20.000	20.000	10.000	



Tỉnh Thừa Thiên Huế

Phụ lục

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					440.089	440.089			85.000	
	Thừa Thiên Huế					440.089	440.089			85.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					440.089	440.089			85.000	
	Các dự án khác					440.089	440.089			85.000	
	Khởi công mới					340.000	340.000			70.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn					340.000	340.000			70.000	
(1)	Xử lý khẩn cấp khắc phục xói lở bờ biển Hải Dương	P.Vang	700 m	2020-2021	49/NQ-HĐND ngày 05/6/2020	150.000	150.000			25.000	
(2)	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ biển đoạn Phú Hải-Phú Diên, huyện Phú Vang.	P.Vang	1,9km	2020-2022	48/NQ-HĐND ngày 05/6/2020	190.000	190.000			45.000	
	Chuyển tiếp					100.089	100.089			15.000	
(1)	Kè chống sạt lở bờ biển đoạn qua thôn An Dương, xã Phú Thuận, huyện Phú Vang (đoạn còn lại đã triển khai thi công đóng cọc, chưa gia cố phần mái)	P.Vang	1178m	2014-2021	50/NQ-HĐND ngày 05/6/2020	100.089	100.089			15.000	



Tỉnh Quảng Nam

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRONG NỘI BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					230.000	230.000	49.369	207.000	
	Quảng Nam					230.000	230.000	49.369	207.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					230.000	230.000	49.369	207.000	
	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao					230.000	230.000	49.369	207.000	
	Khởi công mới					230.000	230.000	49.369	207.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn									
(1)	Đường trục chính vào khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng	Núi Thành	4km	2017-2020	244/QĐ-KTM ngày 27/10/2017; 288/QĐ-KTM ngày 12/12/2017; 115/QĐ-KTM ngày 26/6/2019	230.000	230.000	49.369	207.000	



Tỉnh Quảng Nam

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 8145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					40.000	40.000			40.000	
	Quảng Nam					40.000	40.000			40.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					40.000	40.000			40.000	
	Các dự án khác					40.000	40.000			40.000	
	Khởi công mới					40.000	40.000			40.000	
(1)	Chống xói lở khẩn cấp và bảo vệ bờ biển xã đảo Tam Hải, huyện Núi Thành (giai đoạn 4)	Xã Tam Hải, huyện Núi Thành	Xây dựng tuyến kè cứng có chiều dài khoảng 650m, cụ thể: - Đường đỉnh kè có kết cấu bằng bê tông M300, dày 20cm. - Kết cấu kè: Hàng cọc ván bê tông dự ứng lực W500 liên kết liền nhau. Trên đầu cọc có dầm giằng cọc bằng bê tông cốt thép M300.	2020-2022	05/NQ-HĐND ngày 21/4/2020	40.000	40.000			40.000	

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRONG NỘI BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					430.746	368.870	96.836	96.836	
	Quảng Ngãi					430.746	368.870	96.836	96.836	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					430.746	368.870	96.836	96.836	
	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao					430.746	368.870	96.836	96.836	
	Khởi công mới					430.746	368.870	96.836	96.836	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau									
(1)	Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1	Bình Sơn	1,1km	2018- 2021	2671/QĐ-UBND ngày 19/12/2016, 846/QĐ-UBND ngày 14/6/2019, 1446/QĐ-UBND ngày 02/10/2019, 118/QĐ-UBND ngày 20/01/2020.	146.876	85.000	40.000	85.000	
(2)	Tuyến đường Đốc Sỏi - phía Nam sân bay Chu Lai	Bình Sơn	2,4km	2018-2020	2201/QĐ-UBND ngày 08/11/2016.	161.820	161.820	20.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
(3)	Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải KCN phía tây Dung Quất	Bình Sơn	15km	2018-2022	1873/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	122.050	122.050	36.836	11.836	



Tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					800.000	800.000		140.000	
	Quảng Ngãi					800.000	800.000		140.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					800.000	800.000		140.000	
	Các dự án khác					800.000	800.000		140.000	
	Khởi công mới					800.000	800.000		140.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư					800.000	800.000		140.000	
(1)	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn IIa, thành phần 2	Mộ Đức, Đức Phổ	25 km	2019-2022	26/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND tỉnh	800.000	800.000		140.000	



Phụ lục III

Tỉnh Quảng Ngãi

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					287.000	287.000	40.000			
	Quảng Ngãi					287.000	287.000	40.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					287.000	287.000	40.000			
	Khởi công mới					287.000	287.000	40.000			
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư										
(1)	Dự án trung tâm y tế quân dân y kết hợp huyện Lý Sơn	Huyện Lý Sơn	100 giường bệnh	2019-2023	24/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND tỉnh	287.000	287.000	40.000			

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 114/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					150.000	150.000	20.000			
	Phú Yên					150.000	150.000	20.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					150.000	150.000	20.000			
	Khởi công mới					150.000	150.000	20.000			
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Dự án Kè chống xói lở bờ sông Ba, đoạn qua thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa	Huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	Đầu tư xây dựng tuyến kè dài khoảng 2.500m	2020-2021	232/NQ-HĐND, ngày 27/3/2020	150.000	150.000	20.000			



Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					270.391	217.799	12.217	12.217	28.000	
	Phú Yên					270.391	217.799	12.217	12.217	28.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					70.391	62.799	12.217	12.217	25.000	
	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					70.391	62.799	12.217	12.217	25.000	
	Chuyển tiếp					70.391	62.799	12.217	12.217	25.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn					70.391	62.799	12.217	12.217	25.000	
(1)	Kè biển Xuân Hải, xã Xuân Hải, thị trấn Sông Cầu	TX. Sông Cầu	Tuyến kè dài khoảng 850m.	2014-2020	992/QĐ-UBND, ngày 12/6/2020	70.391	62.799	12.217	12.217	25.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					200.000	155.000			3.000	
	Các dự án khác					200.000	155.000			3.000	
	Chuẩn bị đầu tư					200.000	155.000			3.000	
(1)	Kè chống sạt lở bờ biển khu vực xã An Hòa, huyện Tuy An	Xã An Hòa, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	Đầu tư xây dựng tuyến kè dài khoảng 1.000m	2020-2021		80.000	45.000			1.500	
(2)	Dự án cấp bách kè biển xóm Ró và khu vực sạt lở xã An Phú, TP Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Kè dài khoảng 1.170m và tuyến đê dài khoảng 235m	2020-2021		120.000	110.000			1.500	



Tỉnh Ninh Thuận

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số **144** /QĐ-TTg ngày **29** tháng **7** năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					14.855	13.500	13.500			
	Ninh Thuận					14.855	13.500	13.500			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					14.855	13.500	13.500			
	Chuyển tiếp					14.855	13.500	13.500			
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư										
(1)	Cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm cai nghiện bắt buộc thành Trung tâm cai nghiện tổng hợp đa chức năng tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	180 học viên,	2019-2020	2657/QĐ-UBND ngày 28/10/2016, 1471/QĐ-UBND ngày 26/7/2017	14.855	13.500	13.500			



Tỉnh Ninh Thuận

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					105.000	105.000			105.000	
	Ninh Thuận					105.000	105.000			105.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					105.000	105.000			105.000	
	Các dự án khác					105.000	105.000			105.000	
	Khởi công mới					105.000	105.000			105.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn					105.000	105.000			105.000	
(1)	Kè chống sạt lở bờ biển, bảo vệ dân cư khu vực xã Nhơn Hải đến xã Thanh Hải huyện Ninh Hải	Ninh Hải	1.493,8m	2020-2021	09/NQ-HĐND ngày 23/03/2020	105.000	105.000			105.000	



Tỉnh Bình Thuận

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kính theo Quyết định số 1945/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					160.039	117.825	70.000	117.825	
	Bình Thuận					160.039	117.825	70.000	117.825	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					160.039	117.825	70.000	117.825	
	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					160.039	117.825	70.000	117.825	
	Chuyển tiếp					160.039	117.825	70.000	117.825	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn					160.039	117.825	70.000	117.825	
(1)	Kênh chuyển nước hồ Sông Dinh 3 - hồ Núi Đất	Huyện Hàm Tân và thị xã La Gi	Kênh chuyển nước	2016-2020	732/QĐ-UBND ngày 21/03/2017; 954/QĐ-UBND ngày 27/4/2020	160.039	117.825	70.000	117.825	



Phụ lục II

Tỉnh Bình Thuận

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14
(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					204.000	175.000			175.000	
	Bình Thuận					204.000	175.000			175.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					204.000	175.000			175.000	
	Các dự án khác					204.000	175.000			175.000	
	Khởi công mới					204.000	175.000			175.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau					204.000	175.000			175.000	
(1)	Dự án Kè chống sạt lở bờ biển phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết - đoạn từ khách sạn Hoàng Ngọc đến K0+640	thành phố Phan Thiết	Xây dựng kè bảo vệ bờ biển dài khoảng 640m	2020-2023	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận	45.000	45.000			45.000	
(2)	Dự án Kè chống sạt lở bờ biển khu phố 12, 13 và 14 thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong - đoạn từ K0+450 đến K1+000	huyện Tuy Phong	Xây dựng kè bảo vệ bờ biển dài khoảng 550m	2020-2023	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận	40.000	40.000			40.000	
(3)	Dự án Kè bảo vệ khu dân cư phường Phước Lộc, thị xã LaGi (giai đoạn 2)	thị xã LaGi	Xây dựng tuyến đê ngầm giảm sóng gồm 02 phân đoạn (Chiều dài 1 phân đoạn L=160m)	2020-2023	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận	40.000	40.000			40.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
(4)	Dự án Kè bảo vệ bờ biển phường Thanh Hải, thành phố Phan Thiết	thành phố Phan Thiết	Xây dựng tuyến kè bảo vệ bờ có chiều dài khoảng 1.050m	2020-2023	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận	79.000	50.000			50.000	



Tỉnh Đắk Lắk

Phụ lục

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 114/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					21.000	20.000	18.000			
	Đắk Lắk					21.000	20.000	18.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					21.000	20.000	18.000			
	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở cai nghiện ma túy					21.000	20.000	18.000			
	Khởi công mới					21.000	20.000	18.000			
	KCM 2016-2020 hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Cấp III	2020-2021	07/NQ-HĐND 22/5/2020	21.000	20.000	18.000			

Phụ lục

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số ~~1045~~ 106 TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					21.700	21.700	10.000			
	Đắk Nông					21.700	21.700	10.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					21.700	21.700	10.000			
	Khởi công mới					21.700	21.700	10.000			
(1)	Dự án Kè chống sạt lở sông Đắk Nang thôn Phú Tân xã Đắk Nang huyện Krông Nô	Krông Nô	700m Kè	2020-2022	11/NQ-HĐND 23/4/2020	21.700	21.700	10.000			

Phụ lục

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					8.800	8.800	8.047			
	Gia Lai					8.800	8.800	8.047			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					8.800	8.800	8.047			
	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					8.800	8.800	8.047			
	Khởi công mới					8.800	8.800	8.047			
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư										
(1)	Sạt lở bờ Sông Ba khu vực xã Chư Rcam, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	XD tuyến kè L=160m bờ tả phía hạ lưu mô cầu Lệ Bắc xã Chư Rcam	2020-2021	218/NQ-HĐND ngày 08/5/2020	8.800	8.800	8.047			



Tỉnh Kon Tum

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					86.721	78.523		12.193	
	Kon Tum					86.721	78.523		12.193	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					86.721	78.523		12.193	
	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm					86.721	78.523		12.193	
	Chuyển tiếp					86.721	78.523		12.193	
	KCM 2017-2020 hoàn thành sau giai đoạn					86.721	78.523		12.193	
(1)	Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã vùng ATK tỉnh Kon Tum	Tu Mơ Rông và Đăk Glei	Đường GTN loại A, loại B dài 9,24Km	2019-2023	278-31/10/2016	86.721	78.523		12.193	



Tỉnh Lâm Đồng

Phụ lục

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-ĐTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					1.475.696	320.000	320.000			
	Lâm Đồng					1.475.696	320.000	320.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					1.475.696	320.000	320.000			
	Khởi công mới					1.475.696	320.000	320.000			
(1)	Hồ chứa nước Đông Thanh	Lâm Hà	Cấp nước tưới cho 700ha đất nông nghiệp	2020-2023	171/NQ-HĐND ngày 27/4/2020	494.105	120.000	120.000			
(2)	Hồ chứa nước Ta Hoét	Đức Trọng	Cấp nước tưới cho 2.580ha đất canh tác	2020-2023	171/NQ-HĐND ngày 27/4/2020	981.591	200.000	200.000			



Tỉnh Bình Phước

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					479.800	418.000	58.000			
	Bình Phước					479.800	418.000	58.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					479.800	418.000	58.000			
(1)	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu Hoa Lư	Huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	12,461 km	2020-2023	987/QĐ-UBND ngày 07/5/2020; 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	450.000	400.000	40.000			
(2)	Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	Xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Nâng cấp cơ sở cai nghiện	2019-2020	2323/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	29.800	18.000	18.000			



Tỉnh Bình Phước

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14
(Kèm theo Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					48.000	42.000			10.000	
	Bình Phước					48.000	42.000			10.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					48.000	42.000			10.000	
	Các dự án khác					48.000	42.000			10.000	
(1)	Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DTTS xã Đăk O (hạng mục đường từ thôn cây Đa, xã Phú Văn đến thôn Đăk Á, xã Bù Gia Mập)	Huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	8 km	2019-2020	1759/QĐ-UBND ngày 22/8/2019; 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	48.000	42.000			10.000	



Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRONG NỘI BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
 (Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này		Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					1.559.200	1.121.200	306.600	306.600	118.736	
	Bà Rịa Vũng Tàu					1.559.200	1.121.200	306.600	306.600	118.736	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					1.559.200	1.121.200	306.600	306.600	118.736	
	Chương trình mục tiêu Biển Đông-Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo					702.794	702.794	206.600	187.864		
	Chuyển tiếp					702.794	702.794	206.600	187.864		
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn										
(1)	Chương trình mục tiêu Biển đông hải đảo	Côn Đảo	15,077km	2014-2018	2603/QĐ-UBND, 08/11/2013	702.794	702.794	206.600	187.864		
	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng					856.406	418.406	100.000	118.736	118.736	
	Chuyển tiếp					856.406	418.406	100.000	118.736	118.736	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước giai đoạn										
(1)	Dự án Đường và cầu Chà Và (Đường và cầu từ Gò Găng sang Long Sơn)	TP. Vũng Tàu	"Đường 7,64 km; Cầu 1,52 km"	2009-2012	3908/QĐ-UBND, 31/10/2006 và 67/QĐ-UBND, 13/1/2009	856.406	418.406	100.000	118.736	118.736	



Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Phụ lục II

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					3.951.412	3.232.501	120.500			
	Bà Rịa Vũng Tàu					3.951.412	3.232.501	120.500			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					3.951.412	3.232.501	120.500			
	Giao thông					3.951.412	3.232.501	120.500			
(1)	Đường 991B	thị xã Phú Mỹ, tỉnh BR-VT	Tải trọng 120KN. Tổng chiều dài tuyến là 9.727m. Điểm đầu tuyến là Hội Bài - Tóc Tiên, điểm cuối tuyến Cái Mép- Thị Vải.	2020-2025	2969/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 1579/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	3.951.412	3.232.501	120.500			



Tỉnh Vinh Long

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XD/CB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					123.080	18.000	19.500			
	Vinh Long					123.080	18.000	19.500			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					123.080	18.000	19.500			
	Chuẩn bị đầu tư							1.500			
(1)	Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên (đoạn từ đầu cù lao An Bình đến phà An Bình) xã An Bình, huyện Long Hồ	Huyện Long Hồ	4,3 km	2020-2022				1.500			
	Khởi công mới					123.080	18.000	18.000			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau										
(1)	Nâng cấp, mở rộng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vinh Long	Huyện Tam Bình	300 học viên	2020-2023	256/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 và 1481/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	123.080	18.000	18.000			



Tỉnh Vinh Long

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					540.791	190.000			110.000	
	Vinh Long					540.791	190.000			110.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					540.791	190.000			110.000	
	Các dự án khác					540.791	190.000			110.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau					540.791	190.000			110.000	
(1)	Kè chống sạt lở bờ sông Long Hồ, Khu vực Phường 1, Phường 5, thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long	TP.Vinh Long	1,25 km	2020-2022	1026/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 và 1402/QĐ-UBND ngày 10/6/2020	325.293	90.000			10.000	
(2)	Kè chống sạt lở bờ sông Kênh Chà Và, khu vực phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Thị xã Bình Minh	900 m	2019-2023	197/NQ-HĐND ngày 17/10/2019 và 1403/QĐ-UBND ngày 10/6/2020	215.498	100.000			100.000	



Phụ lục I

Thành phố Cần Thơ

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ :					195.850	149.493		31.833	
	Thành phố Cần Thơ					195.850	149.493		31.833	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					195.850	149.493		31.833	
	Các dự án khác					195.850	149.493		31.833	
	Khởi công mới					195.850	149.493		31.833	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư					195.850	149.493		31.833	
(1)	Kè chống sạt lở khu vực chợ Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Phong Điền	Công trình NN&PTNT cấp III, chiều dài kè 1.685m	2020-2023	01/NQ-HĐND ngày 12/6/2020	195.850	149.493		31.833	



Thành phố Cần Thơ

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					431.724	412.410	50.000			
	Thành phố Cần Thơ					431.724	412.410	50.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					431.724	412.410	50.000			
	Khởi công mới					431.724	412.410	50.000			
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư										
(1)	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ cầu Ô Môn đến vàm Ba Rích), phường Thới Hòa, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu)	Ô Môn	Công trình NN&PTNT cấp IV, 1.900m kè	2020-2023	01/NQ-HĐND ngày 12/6/2020	223.424	204.110	25.000			
(2)	Đường tỉnh 918, thành phố Cần Thơ (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ cầu Lộ Bức đến cuối đường tỉnh 918 giao với đường tỉnh 923)	Phong Điền	Đường cấp III đồng bằng, chiều dài 3,13Km và 02 cầu HL93	2020-2023	01/NQ-HĐND ngày 12/6/2020	208.300	208.300	25.000			

Phụ lục III

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					116.990	80.000			40.000	
	Thành phố Cần Thơ					116.990	80.000			40.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					116.990	80.000			40.000	
	Các dự án khác					116.990	80.000			40.000	
	Khởi công mới					116.990	80.000			40.000	
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư					116.990	80.000			40.000	
(1)	Kè chống sạt lở sông Ô Môn - Khu vực Thới An quận Ô Môn (phía bờ phải) - (đoạn từ rạch Vàm đến bến đò Tầm Vu)	Ô Môn	Công trình NN&NTNT cấp IV, chiều dài kè 950m	2020-2022	01/NQ-HĐND ngày 12/6/2020	116.990	80.000			40.000	



Tỉnh An Giang

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Xem theo Quyết định số 1145 /QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					1.968.205	1.968.205		9.000	
	An Giang					1.968.205	1.968.205		9.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					1.968.205	1.968.205		9.000	
	Các dự án khác					1.968.205	1.968.205		9.000	
	Chuẩn bị đầu tư					1.968.205	1.968.205		9.000	
(1)	Kè chống sạt lở bảo vệ thành phố Châu Đốc thích ứng với biến đổi khí hậu	Châu Đốc	1148m	2021-2024		383.000	383.000		500	
(2)	Nâng cấp mở rộng khẩn cấp đường tỉnh 948 thuộc tuyến quốc phòng an ninh vùng biên giới và dân tộc giai đoạn 2	Tri Tôn - Tịnh Biên	20,3km	2020-2024		1.086.205	1.086.205		3.500	
(3)	Đường kênh Long Điền A-B	Chợ Mới	27.200m	2020-2024		499.000	499.000		5.000	



Tỉnh An Giang

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					976.001	976.001	13.000			
	An Giang					976.001	976.001	13.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					976.001	976.001	13.000			
	Chuẩn bị đầu tư					958.177	958.177	8.000			
(1)	Kè chống sạt lở sông Hậu, đoạn từ Cồn Xây - Nhà máy thủy sản Giang Long	Long Xuyên	249m	2020-2024		53.789	53.789	1.500			
(2)	Kè chống sạt lở sông Tiền bảo vệ dân cư khu vực thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân	Phú Tân	619,3m	2020-2024		100.000	100.000	1.000			
(3)	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ sông Hậu đoạn qua xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới	Chợ Mới	450m	2020-2025		70.000	70.000	1.000			
(4)	Tuyên dân cư di dời khẩn cấp vùng sạt lở sông Hậu, xã Châu Phong	Tân Châu	9,07ha; 422 nền	2020-2024		92.980	92.980	750			
(5)	Cụm dân cư Mỹ An 2 (mở rộng), xã Mỹ Hòa Hưng	Long Xuyên	1,1ha; 81 nền	2020-2023		17.985	17.985	450			
(6)	Khu tái định cư để di dời các hộ dân trong vùng sạt lở	Châu Đốc	6,06ha, 429 nền	2020-2024		134.963	134.963	500			
(7)	Khu dân cư sạt lở ấp Bình Tân, xã Bình Mỹ	Châu Phú	14,67ha; 606 nền	2020-2024		168.487	168.487	800			
(8)	Cụm dân cư ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới	Chợ Mới	8,1ha; 251 nền	2020-2024		99.342	99.342	1.000			
(9)	Tuyên dân cư Phú An, xã Phú An	Phú Tân	12,2ha; 500 nền	2020-2024		150.766	150.766	500			
(10)	Cụm dân cư ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình	An Phú	3,37ha, 144 nền	2020-2024		69.865	69.865	500			
	Khởi công mới					17.824	17.824	5.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
(1)	Cụm dân cư xã An Thạnh Trung	Chợ Mới	1,4ha, 89 nền	2020-2022	1358/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	17.824	17.824	5.000			



Tỉnh An Giang

Phụ lục III

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					284.453	281.904			18.000	
	An Giang					284.453	281.904			18.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					284.453	281.904			18.000	
	Các dự án khác					284.453	281.904			18.000	
	Chuẩn bị đầu tư					266.904	266.904			3.000	
(1)	Kè chống sạt lở sông Hậu, đoạn qua xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang	Tân Châu	1700m	2020-2024		200.000	200.000			1.500	
(2)	Nâng cấp hệ thống đê cấp III, vùng Đông kênh Bảy Xã, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang	Tân Châu	3960m	2020-2024		66.904	66.904			1.500	
	Khởi công mới					17.549	15.000			15.000	
(1)	Dự án tuyến dân cư Phú Hiệp - Hòa Lạc	Phú Tân	24.777m ² , 125 nền	2020-2023	1357/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	17.549	15.000			15.000	



Tỉnh Kiên Giang

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					25.000	18.000	18.000			
	Kiên Giang					25.000	18.000	18.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					25.000	18.000	18.000			
	Khởi công mới					25.000	18.000	18.000			
	KCM 2016-2020 hoàn thành sau giai đoạn										
(1)	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang	xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	SLMB; XD dãy 15 phòng, nhà kho, nhà đa năng; Sân nền, thoát nước, cây xanh; Cải tạo nhà ăn, nhà làm việc, nhà tắm; Trang thiết bị.	2020-2022	1367/QĐ-UBND, 12/6/2020;	25.000	18.000	18.000			



Phụ lục II

Tỉnh Kiên Giang

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1045/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					160.000	160.000			70.000	
	Kiên Giang					160.000	160.000			70.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					160.000	160.000			70.000	
	Các dự án khác					160.000	160.000			70.000	
	Khởi công mới					160.000	160.000			70.000	
(1)	Kè chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh, huyện An Biên	huyện An Biên	4,074 km kè	2018-2021	738/QĐ-TTg, 17/6/2019; 2430/QĐ-UBND, 31/10/2018; 2932/QĐ-UBND, 25/12/2019;	75.000	75.000			25.000	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn sau					85.000	85.000			45.000	
(1)	Kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhàu, huyện An Minh	huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	07 km kè	2020-2024	1372/QĐ-UBND, 15/6/2020;	85.000	85.000			45.000	



Tỉnh Bạc Liêu

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

(Kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Thanh toán nợ đọng XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					974.376	743.629	54.000			
	Bạc Liêu					974.376	743.629	54.000			
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					974.376	743.629	54.000			
	Nguồn dự phòng NSTW được giao bổ sung trong năm					974.376	743.629	54.000			
	Chuẩn bị đầu tư					702.729	692.729	3.100			
	KCM 2017-2020 chưa có chủ trương đầu tư										
(1)	Dự án đầu tư tuyến đường liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long tuyến đường ĐT.980. Gành Hào-Giá Rai-Phố Sinh-Cạnh Đền nối với đường HCM đoạn Phố Sinh - Cạnh Đền	Huyện Phước Long và huyện Hồng Dân	15,6 km	2019-2023		702.729	692.729	3.100			
	Khởi công mới					271.647	50.900	50.900			
	KCM 2017-2020 có chủ trương đầu tư										
(1)	Dự án xây dựng, nâng cấp tuyến đường Ninh Quới - Ngan Dừa, huyện Hồng Dân	huyện Hồng Dân	10,9 km	2019-2022	13/NQ-HĐND, 10/7/2020	271.647	50.900	50.900			



Tỉnh Bạc Liêu

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14
(Kèm theo Quyết định số 1447/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					120.000	120.000			40.000	
	Bạc Liêu					120.000	120.000			40.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					120.000	120.000			40.000	
	Giao thông					120.000	120.000			40.000	
(1)	Đoạn kè cấp bách xử lý sạt lở cửa sông ven biển thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải	Huyện Đông Hải	1300m	2018-2019	409/QĐ-DANN, 15/6/2020	120.000	120.000			40.000	



Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRONG NỘI BỘ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này		Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ					591.446,376	478.500	342.500	342.500		
	Cà Mau					591.446,376	478.500	342.500	342.500		
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					591.446,376	478.500	342.500	342.500		
	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao					591.446,376	478.500	342.500	342.500		
	Khởi công mới					204.490,376	130.240	74.240	130.240		
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn										
(1)	Dự án hạ tầng khu tái định cư Khu kinh tế Năm Căn	Năm Căn	25 ha	2018-2020	1763/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1054/QĐ-UBND ngày /2020	204.490,376	130.240	74.240	130.240		
	Chuyển tiếp					386.956	348.260	268.260	212.260		
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn										
(1)	Tuyến đường trục chính Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau (giai đoạn 1)	Năm Căn	4,5 km	2014-2017	1505/QĐ-UBND ngày 7/10/2014	386.956	348.260	268.260	212.260		



Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này		Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
	TỔNG SỐ					303.452,405	65.000		40.000		
	Cà Mau					303.452,405	65.000		40.000		
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					303.452,405	65.000		40.000		
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					303.452,405	65.000		40.000		
(1)	Kè chống xói lở cửa biển Hốc Năng, huyện Ngọc Hiển	huyện Ngọc Hiển tỉnh Cà Mau	chiều dài kè 5000m	2020-2022	1095/QĐ-UBND ngày 17/6/2020	303.452,405	65.000		40.000		



Phụ lục III

Tỉnh Cà Mau

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					64.921	64.921			30.000	
	Cà Mau					64.921	64.921			30.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					64.921	64.921			30.000	
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					64.921	64.921			30.000	
(1)	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở tại cửa sông Hương Mai (đoạn từ cống Hương Mai đến đê biển Tây), xã Khánh Tiến, huyện U Minh	Huyện U Minh	Kè 1.143m; đường 437m; tái định cư 2,035ha	2019-2021	1226/QĐ-UBND ngày 25/7/2019; 1061/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	64.921	64.921			30.000	